機械工程系

1. 系所簡介 Giới thiệu sơ lược Khoa

機械工程系成立於民國 59 年，是東南科技大學歷史最悠久，師資陣容最堅強，教學研究成果最豐富，教學態度最認真，且榮獲教育部評鑑連續三次一等的優質學系。 並於民國 93 年成立研究所，研究方向為精密製造及材料領域、機電整合及控制兩大領域，就讀本系畢業後無論是選擇就業或是升學，目標明確而且管道順暢。歡迎上網進一步了解『機械工程系』。網址 http://web.tnu.edu.tw/me

Khoa Công trình Cơ khí được thành lập vào năm 59 Trung Hoa Dân Quốc. Trường Đại học Đông Nam là trường đại học có lịch sử lâu đời nhất, với đội ngũ giảng viên mạnh nhất, kết quả nghiên cứu giảng dạy phong phú nhất, thái độ giảng dạy nghiêm túc nhất và vinh hạnh liên tục nhận được 3 lần đánh giá của bộ giáo dục là trường học chất lượng nhất. Năm 93 Dân Quốc, thành lập Viện nghiên cứu. Hướng nghiên cứu là trong lĩnh vực vật liệu và chế tạo tinh vi, lĩnh vực tổng hợp và kiểm soát cơ điện. Sau khi tốt nghiệp khoa, dù chọn việc làm hay đi học tiếp, thì mục tiêu chính xác và đường đi thuận lợi. Chào mừng bạn đến với Internet để tìm hiểu thêm về Bộ môn Cơ khí. URL http://web.tnu.edu.tw/me

2. 教育目標 Mục tiêu giáo dục:

東南科技大學機械工程系大學部之教育目標如下：

Mục tiêu giáo dục bậc đại học của trường Đại học Công nghệ Đông Nam như sau:

1. 專業能力的培養與實務技能的發展。

Bồi dưỡng năng lực chuyên môn và phát triển kỹ năng thực hành

2. 建立專業倫理及社會責任的觀念。

Thiết lập quan niệm đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội

3. 培養獨立思考的能力與團隊合作的精神。

Bồi dưỡng khả năng suy nghĩ độc lập và tinh thần hợp tác nhóm.

東南科技大學機械工程研究所之教育目標如下：

Mục tiêu giáo dục bậc nghiên cứu sinh của trường Đại học Công nghệ Đông Nam như sau:

1. 培育理論與實務並重之跨領域機械工程科技人才。

Trau dồi lý thuyết và kỹ năng thực hành đặc biệt hướng vào nhân tài kỹ thuật cơ khí ngoài ngành

2. 培育具積極創新，追求卓越精神並具備工程倫理的科技人才。

Trau dồi tính sáng tạo tích cực, theo đuổi tinh thần trác việt và dự trù nhân tài công nghệ với đạo đức công trình.

3.培育具國際觀視野及符合社會需求的科技人才。

Trau dồi tài năng khoa học kỹ thuật với tầm nhìn quốc tế và đáp ứng nhu cầu xã hội

本系(所)之教育目標為配合國家科技發展，培養中高階機械專業人才；力行實務教學，重視專業倫理，提升人文素養，使學生能吸收多元化知識，培養獨立思考的能力，達成全人教育的理念。

Mục tiêu giáo dục của khoa này là đào tạo các chuyên gia cơ khí cấp trung và cấp cao phù hợp sự phát triển của khoa học kỹ thuật quốc gia, thực hành giảng dạy thực tế, chú ý đến đạo đức nghề nghiệp, nâng cao tính nhân văn, để học sinh có thể tiếp thu kiến thức đa dạng, trau dồi khả năng suy nghĩ độc lập và đạt được lý tưởng giáo dục con người toàn diện

證照：輔導學生考取相關檢定證照，包括電腦輔助立體製圖、電腦輔

助機械設計、製圖乙丙級、機械加工乙丙級、汽機車修護檢定乙丙級。

Giấy phép: Phụ đạo cho sinh viên thi lấy được giấy phép kiểm định liên quan, bao gồm vẽ bản đồ ba chiều trên máy tính, hỗ trợ thiết kế cơ khí trên máy tính, vẽ hình loại A, B, gia công cơ khí loại A, B, kiểm định bảo dưỡng sửa chữa xe hơi xe máy chứng nhận loại A, B.

認證：輔導學生考取機械專業人才認證、自動化專業人才認證、TQC 電腦工程協會之相關認證。

Chứng nhận: Đào tạo sinh viên thi đạt chứng chỉ nhân tài chuyên môn cơ khí, chứng nhận nhân tài chuyên môn tự động hóa, chứng nhận liên quan đến Hiệp hội kỹ thuật máy tính TQC.

專長：根據學生興趣做分類，修習不同機械、車輛專業能力與技能之課程。

Chuyên môn: Phân loại dựa theo sở thích của sinh viên, thực hành máy móc khác nhau, khóa học về kỹ năng và năng lực chuyên môn xe cộ.

就業：培養機械專業與車輛維修之知識能力與訓練產業科技所需之實務技能。

Việc làm: Bồi dưỡng kiến thức, năng lực chuyên môn cơ khí và bảo dưỡng xe cộ, huấn luyện các kỹ năng cần thiết để đào tạo ngành khoa học kỹ thuật.

實習：力行實務教學，大學三年級至業界校外實習半年至一年。

Thực tập: Thực hành giảng dạy thực tế, từ năm thứ 3 đại học đến lúc thực tập bên ngoài nửa năm đến 1 năm.

3.現有學制 Hệ thống học thuật hiện có:

本系現有學制如下: (各學年招收班級)

Hệ thống học thuật hiện tại của khoa như sau: (Các lớp tuyển sinh trong mỗi năm học)

聯招(申請、技優、推甄、分發)

Tuyển sinh chung (nộp đơn, tay nghề cao, tiến cử tuyển chọn, phân phát)

獨招(體保生)

Tuyển sinh riêng: sinh viên có năng khiếu thể thao.

●日間部

Lớp ban ngày:

日四技 ： 機械工程系一班

Lớp ban ngày theo 4 kỹ năng: Khoa công trình cơ khí 1 lớp.

日四技 ： 機械系車輛組三班

Lớp ban ngày theo 4 kỹ năng: Nhóm xe cộ hệ cơ khí 3 lớp.

● 研究所： Nghiên cứu sinh

日間部碩士班 一班

Lớp thạc sỹ ban ngày 1 lớp

進修部在職生碩士班 一班

Lớp thạc sỹ đào tạo tại chức 1 lớp

●進修部

Lớp tại chức

假日四技 ： 機械系車輛組二班(週日及周一晚間上課)

Lớp ngày nghỉ cuối tuần theo 4 kỹ năng: Nhóm xe cộ hệ cơ khí 2 lớp (Chủ nhật và tối tối thứ 2 lên lớp)

4.1131 學習檢核:Kiểm tra học tập

1 張服務證明

1 tờ chứng minh phục vụ

1 門以上跨領域

1 môn trở lên môn ngoài lĩnh vực

3 類證照（外語能力證照、專業能力證照(機械加工技術、車輛維修技術相關證照)、資訊能力證照）

3 loại chứng chỉ (chứng chỉ năng lực ngoại ngữ, chứng chỉ năng lực chuyên môn (kỹ thuật gia công cơ khí, chứng chỉ liên quan kỹ thuật bảo dưỡng xe cộ), chứng chỉ năng lực công nghệ thông tin)

1 完成 1 系修業規定

1 hoàn thành quy định 1 hệ tu nghiệp

5.系核心能力 Năng lực nồng cốt

1. 能運用數學、科學及機械暨動力機械工程知識的能力

   Năng lực vận dụng kiến thức vào công trình cơ khí, động lực máy móc, khoa học và toán học.

2. 設計與執行實驗，以及分析與解釋數據的能力

   Thiết kế và thực hành thí nghiệm, cũng như năng lực phân tích và giải thích dữ liệu

3. 執行機械暨動力機械工程實務所需技術、技巧及使用工具之能力

   Năng lực sử dụng công cụ thiết yếu và các kỹ năng, kỹ thuật thực hành thực tế trong công trình cơ khí, động lực máy móc.

4. 設計機械暨動力機械工程系統、元件或製程之能力

   Năng lực chế tạo hoặc thành phần linh phụ kiện, thiết kế hệ thống công trình cơ khí, động lực máy móc.

5. 專案管理規劃、有效溝通、領域整合與團隊合作的能力

   Năng lực hợp tác nhóm và lĩnh vực tổng hợp, giao tiếp hiệu quả, quy hoạch quản lý chuyên án.

6. 發掘、分析、應用研究成果及因應複雜且整合性工程問題的能力

   Năng lực khám phá, phân tích, ứng dụng kết quả nghiên cứu và khả

năng ứng phó với các công trình tổng hợp và kỹ thuật phức tạp.

7. 認識時事議題，瞭解工程技術對環境、社會及全球的影響，並培養持續學習的習慣與能力

   Năng lực nhận thức các vấn đề hiện tại, hiểu rõ những tác động của kỹ thuật công trình đối với môi trường, xã hội và thế giới. Từ đó, không ngừng trau dồi các thói quen học hỏi.

8.理解及應用專業倫理，認知社會責任及尊重多元觀點

   Hiểu rõ và áp dụng đạo đức nghề nghiệp, nhận biết trách nhiệm xã hội và tôn trọng quan điểm khách quan.

6.教學特色及課程規劃

Quy hoạch chương trình giảng dạy và bản sắc dạy học

機械工程系(所)的發展主軸包含精密機械技術、微奈米技術與電腦輔助工程分析、車輛工程等領域，分述如下：

Chủ chốt phát triển của khoa công trình cơ khí bao gồm các lĩnh vực Kỹ thuật cơ khí tinh vi, Kỹ thuật micro-nano và phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính, kỹ thuật xe cộ… Mô tả như sau

1. 精密機械技術：微細加工技術、精密量測、精密模具、模流分析、逆向工程技術、超精密加工。

   Kỹ thuật cơ khí tinh vi: kỹ thuật gia công cực nhỏ, đo lường chính xác, khuôn mẫu chính xác, phân tích dòng chảy khuôn, kỹ thuật đảo ngược, gia công siêu chính xác.

2. 微奈米技術：微奈米檢測技術、薄膜製程技術、材料微結構分析、微振動分析、粉末冶金、微機電技術。

   Kỹ thuật micro-nano: kỹ thuật kiểm tra đo lường micro-nano, kỹ thuật

chế tạo màng mỏng, phân tích vật liệu vi cấu trúc, phân tích rung động, luyện kim bột, kỹ thuật cơ điện tử.

3. 電腦輔助工程分析：電腦輔助設計與製造、產品開發設計、有限元素分析、結構分析、電子熱傳分析

Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính: máy tính hỗ trợ thiết kế và chế tạo, thiết kế phát triển sản phẩm, phân tích nguyên tố hữu hạn, phân tích kết cấu, phân tích truyền nhiệt điện tử

4. 車輛工程技術：創意設計、車體結構分析、維修與管理、控制系統、車輛電能及燃料系統等。

Kỹ thuật công trình xe cộ: thiết kế sáng tạo, phân tích kết cấu thân xe, bảo trì và quản lý, hệ thống điều khiển, hệ thống nhiên liệu và điện năng của xe cộ

大學部課程：Chương trình bậc Đại học

四年制大學部畢業學分為 128 學分以上，包括共同必修課程 24 學分，專業必修課程 74 學分，專業選修課程 33 學分。專業必修包括物理、化學、工程數學、機械製造、機械設計、工程力學、工程材料、與實務專題等。選修課程涵蓋精密機械製造技術、微奈米技術與電腦輔助工程分析、車輛工程等領域，同學可以依照自己的興趣選修適合的課程。

Bậc Đại học 4 năm có số học phần tốt nghiệp là 128 học phần trở lên, bao gồm môn học bắt buộc là 24 học phần, khóa học chuyên môn bắt buộc là 74 học phần, khóa học chuyên môn tự chọn là 33 học phần. Chuyên môn bắt buộc bao gồm vật lý, hóa học, toán học công trình, chế tạo cơ khí, thiết kế cơ khí, lực học công trình, vật liệu công trình và chuyên đề thực hành. Chuyên môn tự chọn bao gồm: Kỹ thuật chế tạo cơ

khí tinh vi, Kỹ thuật micro-nano, Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính, Công trình xe cộ và lĩnh vực khác, sinh viên có thể dựa theo sở thích bản thân mà lựa chọn khóa học thích hợp.

研究所課程： 研究方向涵蓋精密機械及材料、機電整合及控制兩大領域；畢業學分為 32 學分，需修完專業必修 8 學分，以及專業選修 24 學分。專業選修包括超精密機械技術、微奈米檢測技術、薄膜製程技術、電子顯微鏡原理與應用 、材料分析、奈米振動分析、粉末冶金、有限元素分析、熱傳量測技術、機電整合系統、光電工程、微/奈米機電系統、液壓伺服系統、數位影像處理、系統設計、機器人技術等

Bậc nghiên cứu: phương hướng nghiên cứu bao hàm vật liệu và cơ khí tinh vi, 2 lĩnh vực lớn là điện cơ tích hợp và kiểm soát. Học phần tốt nghiệp là 32 học phần, chuyên môn bắt buộc phải hoàn thành là 8 học phần và chuyên môn tự chọn là 24 học phần. Chuyên môn tự chọn bao gồm Kỹ thuật cơ khí siêu chính xác, Kỹ thuật kiểm tra đo lường micro-nano, Kỹ thuật chế tạo màng mỏng, Ứng dụng và nguyên lý kính hiển vi điện tử, Phân tích vật liệu, Phân tích rung động Nano, Luyện kim bột, Phân tích nguyên tố hữu hạn, Kỹ thuật đo lường truyền nhiệt, Hệ thống điện cơ tích hợp, Kỹ thuật quang điện, Hệ thống cơ điện Nano - micro-nano, Hệ thống máy ép thủy lực, Xử lý ảnh kỹ thuật số, Thiết kế hệ thống, Kỹ thuật robot…

7.師資陣容 Đội ngũ giáo viên

現有專任專業師資 15 位，包括教授 4 位、副教授 2 位、助理教授 5 位、講師 4 位 ，具有博士學位者 12 位。師資皆具有乙級以上技術證

照，或是多年的實務工作經驗，本系師資陣容堅強在私立技職院校中名列前茅

Hiện có 15 giáo viên chuyên nghiệp toàn thời gian, bao gồm Giáo sư 4 người, phó giáo sư 2 người, trợ lý giáo sư 2 người, Giảng viên 4 người. Học vị tiến sĩ có 12 người. Đội ngũ giáo viên đều có chứng chỉ kỹ thuật loại B trở lên, hoặc có kinh nghiệm thực tế nhiều năm. Đội ngũ giáo viên của khoa của trường luôn đứng trong top những trường tốt nhất trong các trường nghề tư nhân.

8.教學及研究主要設備 Thiết bị chủ yếu cho dạy học và nghiên cứu

1. 精密機械技術：雷射雕刻機、超鏡面研磨機、高速雕銑機、CNC 線切割機、深孔放電加工機、電腦射出成型機、數值控制切削中心機、超鏡面拋光機 、 2D/3D 表面輪廓粗度儀、雷射掃瞄儀、真圓度測定機、三次元量床、快速原型機等

Kỹ thuật cơ khí tinh vi: Máy khắc laser, Máy mài mặt kính, Máy chạm khắc và phay tốc độ cao, Máy cắt dây CNC, Máy gia công tia lửa điện EDM, Máy ép phun máy tính, Máy cắt trung tâm kiểm soát bằng chỉ số, Máy đánh bóng mặt kính, Máy đo biên dạng và độ nhám bề mặt 2D/3D, Máy quét laser, Máy đo độ tròn, Máy đo 3 chiều, Máy tạo nguyên mẫu cấp tốc.

2. 微奈米技術：掃描式電子顯微鏡、高真空濺鍍系統、多模態掃描式探針顯微鏡、奈米硬度量測儀、雷射顯微振動量測系統、X 光繞射儀.

Kỹ thuật micro-nano: Kính hiển vi điện tử quét, Hệ thống phún xạ

chân không cao, Kính hiển vi quét đầu dò đa phương thức, Máy đo độ cứng Nano, Hệ thống đo rung động bằng laser, Máy quang phổ nhiễu xạ tia X.

3. 電腦輔助工程分析：電腦教室、AutoCAD 、Inventor 、Solid Edge 、Solid Works、Pro/E 、MSC/NASTRAN 、MATLAB 、 STAR-CD

Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính: Phòng học máy tính: AutoCAD, Inventor, Solid Edge, Solid Works, Pro/E, MSC/NASTRAN, MATLAB, STAR-CD…

4. 國家技能檢定合格場地：車床工、鉗工、電腦輔助機械製圖、電腦輔助立體製圖

Địa điểm kiểm định kỹ năng đạt chuẩn quốc gia: công nhân máy tiện, công nhân bảo trì sửa chữa, tạo bản vẽ cơ khí với sự hỗ trợ máy tính, tạo biểu đồ ba chiều với sự hỗ trợ máy tính.

9.就業與升學 Việc làm và học nâng cao

機械為工業之母，故本系學生出路廣泛,茲簡介如下:

Máy móc là mẹ của ngành công nghiệp, bộ phận này sinh viên ra trường sẽ có lối đi rộng mở, sơ lược như sau:

本系學生畢業時大多具有技能檢定證照(乙級或 TQC)，可以從事許多的工作項目：

Đa số các sinh viên tốt nghiệp của bộ phận này có chứng chỉ xác minh kỹ năng (Loại B hoặc TQC) và có thể làm việc trên nhiều dự án công việc.

1.機械、汽車、航太工業：電腦輔助設計製造、熱流工程、材料分析、機構設計、車輛設計與製造、船舶設計與製造、航空工程、產業自動化、機械研發設計製造、品質管制與檢驗、冷凍空調工程等。

Cơ khí, xe hơi, ngành hàng không vũ trụ, chế tạo thiết kế hỗ trợ máy tính, Kỹ thuật dòng nhiệt, Phân tích vật liệu, Thiết kế cơ cấu, Thiết kế và chế tạo xe cộ, Thiết kế và chế tạo tàu thuyền, Công nghệ hàng không, Tự động hóa công nghiệp, Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy móc, Kiểm nghiệm và kiểm soát chất lượng, Công nghệ điều hòa điện lạnh…

2.電子、半導體、光電工業：機構設計、系統整合、半導體產業設備設計製造、電子材料設計研發

Điện tử, chất bán dẫn, công nghiệp quang điện, thiết kế cơ cấu, hệ thống tổng hợp, thiết kế thiết bị và chế tao chất bán dẫn công nghiệp.

3.報考國內大學院校相關研究所或是出國繼續深造。

Áp dụng cho các viện nghiên cứu có liên quan của các trường đại học và cao đẳng trong nước hoặc đi ra nước ngoài để nghiên cứu thêm。

10.教學及研究成果 Kết quả giảng dạy và nghiên cứu

本系師生研究成果豐碩，擇要列舉如下：

Các giáo viên và sinh viên của khoa có những kết quả nghiên cứu phong phú, lựa chọn liệt kê như sau:

1. 民國 95~99 年獲得教育部卓越計畫、向下扎根計畫、補助技專校院發展學校重點特色、國科會科教等相關計畫。

   Trung Hoa Dân Quốc năm 95-99, nhận được kế hoạch xuất sắc của Bộ Giáo dục, kế hoạch bắt nguồn từ cấp dưới, bản sắc trọng điểm của trường là phát triển phụ trợ cho các trường cao đẳng đại học, các kế hoạch liên quan đến giáo dục khoa học kỹ thuật quốc gia.

2. 獲教育部三年期奈米人才培育計畫『北區奈米人才培育中心』之分項計畫，成為奈米培育團隊。

   Nhận được kế hoạch con "Trung tâm bồi dưỡng tài năng nano khu vực phía Bắc" của chương trình đào tạo nhân tài nano trong ba năm

của Bộ Giáo dục, trở thành đội ngũ bồi dưỡng nano.

3. 『國科會研究計畫』與『產官學合作計畫』『國內外期刊論文』數目居全校各系之冠，在全國各私立技職院校中亦名列前茅。

   "Kế hoạch nghiên cứu hội khoa học quốc gia" và "Kế hoạch hợp tác học tập giữa doanh nghiệp và chính phủ", "Tập san luận văn trong và ngoài nước" với số lượng cao nhất trong tất cả các bộ phận toàn trường, trong top các trường đại học cao đẳng nghề tư nhân toàn quốc.

4. 執行完成工程學院教學卓越 H 計畫---微奈米科技發展再生能源人才培育計劃。

   Thực hiện hoàn thành kế hoạch H xuất sắc trong việc giảng dạy học viện kỹ thuật - Kế hoạch bồi dưỡng nhân tài năng lượng tái tạo công nghệ kỹ thuật Micro-Nano.

5. 執行完成工程及科技教育認證 IEET 五大核心能力指標。

   Thực hiện hoàn thành chứng chỉ giáo dục khoa học kỹ thuật và công nghệ IEET năm chỉ tiêu năng lực cốt lõi

6. 本系榮獲教育部技職再造設備更新補助二千三百七十四萬元

Khoa đã vinh hạnh nhận được trợ cấp đổi mới thiết bị kỹ thuật của Bộ Giáo dục là 23,74 triệu Đài tệ.

11.畢業發展 Phát triển tốt nghiệp

機械工程師、設計及製圖工程師、電腦工程分析工程師、車輛技術及研發工程師、半導體設備工程師、廠務工程師、機構工程師、產品設計工程師。

Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư thiết kế đồ họa, Kỹ sư phân tích công nghệ máy tính, Kỹ sư nghiên cứu phát triển kỹ thuật xe cộ, Kỹ sư thiết bị chất bán

dẫn, Kỹ sư nhà máy, Kỹ sư kết cấu, Kỹ sư thiết kế sản phẩm.

風雲榜

Danh sách Phong Vân

1. 學生自己動手車輛改裝整被，本系張江永同學參加全國及國際級競賽屢屢獲得優異佳績。

   Sinh viên thực hành thực tế sửa chữa toàn bộ xe máy, Sinh viên Trương Giang Vĩnh của khoa đã nhiều lần tham gia các cuộc thi đấu toàn quốc và quốc tế với thành tích xuất sắc.

2. 本系學生林裕強同學榮獲全國技能競賽金牌及國際技能競賽優勝。

   Sinh viên Lâm Dụ Cường của khoa đã vinh hạnh giành được huy chương vàng quốc gia và chiến thắng cuộc thi kỹ năng quốc tế.

3. 本系學生邱奕燊參加和泰汽車 T-TEP 技藝競賽獲大專組第二名。

   Sinh viên Khưu Dịch Sân của khoa đã tham gia cuộc thi kỹ nghệ xe máy T-TEP Hòa Thái và đạt được giải á quân hệ cao đẳng

4. 本系學生參加全國模具實務專題競賽創新組第三名。

   Sinh viên của khoa đã tham gia cuộc thi chuyên đề thực hành khuôn mẫu và giành được giải 3 nhóm sáng tạo.

12.未來展望 Triển vọng tương lai

機械工程系將結合業界需求，增設在職專班研究所提供學子回流教育，期望能為國內機械工業教育做出貢獻。在學生輔導方面將以加強就業知能以及培養升學能力為主要目標，並以全人教育的理念培養五育並重的優秀青年。

Khoa công trình cơ khí luôn kết hợp nhu cầu các ngành công nghiệp trên Thế Giới, lập mới lớp nghiên cứu chuyên ban tại chức cung cấp giáo dục cho sinh viên hồi lưu. Hy vọng tạo ra nhiều cống hiến cho ngành giáo dục công nghiệp cơ khí trong nước. Về việc hướng dẫn phụ đạo sinh viên, mục tiêu chính là tăng cường kiến thức việc làm và bồi dưỡng năng lực học tập chuyên sâu và theo ý tưởng giáo dục toàn diện bồi dưỡng ngũ dục, chú trọng những người trẻ tuổi thanh niên ưu tú.

師資陳蓉

個人檔案

姓名　　：吳坤齡

級職　　：教授

學歷　　：國立中央大學機械研究所博士

研究領域　：精密量測、放電加工、微細加工

校內分機　：02-86625917 分機 76,49

研究室　：信義 203

Email　　：klwu@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Ngô Khôn Linh

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ nghiên cứu Cơ khí trường đại học quốc lập Trung Ương

Lĩnh vực nghiên cứu: Đo lường chính xác, Gia công phóng điện, Gia

công vi mô
Số máy nội bộ :02-8662591 nhánh 76, 49
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 203

Email ： klwu@mail.tnu.edu.tw

個人經歷【吳坤齡】

Kinh nghiệm cá nhân

現任:

東南科技大學機械系主任

機械工程研究所所長

工程與電資學院院長

Chức vụ hiện tại

Trưởng Khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Viện trưởng viện nghiên cứu công trình Cơ khí
Viện trưởng học viện nghiên cứu Công trình và Năng lượng điện

經歷:

東南科技大學機械系教授

高工機械科教師

機械廠技術員

Kinh nghiệm:

Giáo sư Khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Giảng viên kỹ thuật Cơ khí trung cấp nghề
Kỹ thuật viên xưởng Cơ khí

個人檔案

姓名　　：陳坤男

級職　　：教授

學歷　　：美國辛辛那提大學機械工程研究所 博士

研究領域　：最佳化方法、結構振動實驗、有限元素分析

校內分機　：02-86625917 分機 73

研究室　：信義樓 403-3

Email　　：knchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Khôn Nam

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Cincinnati Mỹ

Lĩnh vực nghiên cứu: Phương pháp tối ưu, Thí nghiệm chấn động kết cấu, Phân tích nguyên tố hữu hạn

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 73

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 403-3

Email　　: knchen@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科大 組長、主任
- ✓ 東南科大 教務長
- ✓ 東南科大 副教授

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Chủ nhiệm, Tổ trưởng tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Phó Giáo sư tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：林寬泓

級職　　：教授

學歷　　：國立台灣科技大學機械工程研究所 材料組博士、國立台灣師範大學工業教育研究所機械組碩士、國立台灣教育學院工業教育學系機械組學士

研究領　：粉末冶金、陶瓷材料、顯微結構分析

域

校內分
機：02-86625917 分機 66

研究室　：信義 403-4

Email　：khlin@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Lâm Khoan Hoằng
Cấp bậc chức vụ : Giáo sư
Trình độ : Tiến sỹ tổ Vật liệu viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập khoa học kỹ thuật Đài Loan.
Thạc sỹ tổ Cơ khí viện nghiên cứu giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan.
Cử nhân tổ Cơ khí Khoa giáo dục công nghiệp Học viện quốc lập Giáo dục Đài Loan
Lĩnh vực nghiên cứu: Luyện kim bột, Vật liệu gốm sứ, Phân tích kết cấu hiển vi.
Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 66
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 403-4
Email : khlin@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科技大學 機械工程系 教授 (2011.02 ~)
- ✓ 東南科技大學 教務長 (2009.05 ~2011.07)
- ✓ 行政院勞工委員會職業訓練局泰山職業訓練中心 雙軌訓練旗艦計畫-工業機械職類試題審查委員
- ✓ 中華民國職業訓練研究發展中心 雙軌訓練旗艦計畫-工業機械職類召集人
- ✓ 德霖技術學院 機械工程系 兼任副教授
- ✓ 東南技術學院 機械工程系主任 兼 機電整合研究所所長 (2004.02 ~ 2006.07)
- ✓ 東南科技大學 機械工程系 副教授
- ✓ 經濟部 智慧財產局 兼任專利審查委員
- ✓ 教育部 技職體系機械群一貫課程 研究員
- ✓ 東南技術學院 機械工程系 講師
- ✓ 高工 機工科專任教師
- ✓ 預官 34 期特官 砲兵少尉

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Giáo sư Khoa Công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam (2011.02-)
- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam (2009.05 ~2011.07)
- ✓ Ủy viên lao động viện hành chính trung tâm huấn luyện nghề nghiệp Thái Sơn Cục Đào tạo nghề. Ủy viên thẩm tra đánh giá đề thi ngành

Cơ khí công nghiệp – Kế hoạch huấn luyện song hành Flagship

- ✓ Người triệu tập ngành Cơ khí công nghiệp - Kế hoạch huấn luyện song hành Flagship thuộc Trung tâm nghiên cứu phát triển đào tạo nghề Trung Hoa Dân Quốc.

- ✓ Kiêm nhiệm Phó giáo sư Khoa công trình Cơ khí Học viện kỹ thuật Đức Lâm.

- ✓ Trưởng Khoa công trình Cơ khí kiêm Viện trưởng viện nghiên cứu điện cơ tổng hợp trường đại học khoa học kỹ thuật Đông Nam.

- ✓ Trưởng Khoa công trình Cơ khí trường đại học khoa học kỹ thuật Đông Nam.

- ✓ Kiêm nhiệm Ủy viên kiểm tra bằng sáng chế Cục sở hữu trí tuệ của Bộ Kinh tế

- ✓ Nghiên cứu sinh Khóa học nhất quán hệ thống kỹ thuật nhóm cơ khí của Bộ giáo dục.

- ✓ Giảng viên Khoa công trình Cơ khí Học viện Công nghệ Đông Nam.

- ✓ Giáo viên Khoa công trình cơ khí trường trung cấp nghề。

- ✓ Thiếu úy pháo binh cán bộ dự bị sỹ quan đặc biệt kỳ 34.

個人檔案

姓名　　：巫維標

級職　　：助理教授

學歷　　：國立交通大學，機械工程研究所，學分班

研究領域　：數控工具機、電腦輔助製造、機械加工

校內分機　：02-86625917 分機 5853

研究室　：炎黃樓研發處

Email　：wpwu@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Vu Duy Tiêu

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Lớp học phần Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Giao thông Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Máy công cụ CNC, Chế tạo hỗ trợ máy tính, Gia công cơ khí.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 5853

Phòng nghiên cứu　: Phòng nghiên cứu phát triển tòa nhà Diêm Hoàng

Email　　: wpwu@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 行政院勞工委員會 技術士技能檢定鉗工職類學術科命題委員 90.5.3～90.12.15
- ✓ 行政院勞工委員會 技術士技能檢定精密機械工職類術科甲乙丙級命題委員 91.5.10～91.12.15
- ✓ 行政院勞工委員會 技能檢定機械加工職類規範制定委員會 94.8.1～94.12.31
- ✓ 教育部 全國高級中等學校 95 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 95.12.5～95.12.8
- ✓ 行政院勞工委員會 第 37 屆全國技能競賽 CNC 銑床職類裁判 96.9.26～96.10.1
- ✓ 教育部 全國高級中等學校 96 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 96.12.4～96.12.7
- ✓ 行政院勞工委員會中部辦公室 委辦技術士技能檢定即測即評學科測試計畫主持人 90 年～98 年
- ✓ 行政院勞工委員會中部辦公室 委辦技術士技能檢定即測即評即發證計畫主持人 97 年～98 年
- ✓ 行政院勞工委員會 第 39 屆全國技能競賽 CNC 銑床職類裁判 98.10.28～98.10.30

- ✓ 教育部 全國高級中等學校 98 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 98.12.1～98.12.4
- ✓ 東南科技大學 機械工程系 助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy viên đề xuất Khoa học thuật kiểm định kỹ năng ngành bảo trì sửa chữa của kỹ thuật viên từ 90.5.3～90.12.15

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy viên đề xuất bằng cấp kỹ thuật A, B, C ngành Công nghiệp cơ khí tinh vi kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ 91.5.10～91.12.15

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy ban chế định quy phạm kiểm tra kỹ năng ngành gia công cơ khí từ 94.8.1～94.12.31.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 95 - Ủy viên đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 96.12.4～96.12.7.

Ủy ban lao động Viện hành chính – Đánh giá cuộc thi kỹ năng kỹ thuật máy phay ngành CNC lần thứ 37 từ 96.9.26～96.10.1.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 96 - Ủy viên đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 96.12.4～96.12.7.

Văn phòng miền Trung Ủy ban lao động Viện hành chính – MC điều hành kế hoạch kiểm định và đánh giá cuộc thi lập tức kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ năm 90 – 96.

Văn phòng miền Trung Ủy ban lao động Viện hành chính – MC điều hành kế hoạch kiểm định và đánh giá cuộc thi lập tức kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ năm 97 – 98.

Ủy ban lao động Viện hành chính – Đánh giá cuộc thi kỹ năng kỹ thuật máy phay ngành CNC lần thứ 39 từ 96.9.26～96.10.1.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 98 - Ủy viên đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 98.12.1～98.12.4

Trợ lý giáo sư Khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：黃仁清

級職　　：教授

學歷　　：國立台灣科技大學院機械研究所 博士

研究領域　：1.奈米模擬 2.原子力顯微鏡之量測與加工應作與微結構翻模 4.CNC 精密加工技術

校內分機　：02-86625834

研究室　　：信義 405-2

Email　　：jc-huang@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Hoàng Nhân Thanh

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ viện nghiên cứu Cơ khí trường đại học quốc lập khoa học kỹ thuật Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: 1. Mô phỏng Nano, 2. Ứng dụng gia công và đo lường kính hiển vi lực nguyên tử, 3. Chế tạo kết cấu nano và chuyển đổi vi kết cấu, 4. Kỹ thuật gia công chính xác CNC

Số máy nội bộ　: 02-86625834

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 405-2

Email　　: jc-huang@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

✓ 現任東南科技大學研究發展處 研發長

- ✓ 東南科技大學工程學院 院長
- ✓ 東南科技大學微奈米科技研究中心 主任
- ✓ 東南科技大學機械系教授
- ✓ 東南科技大學機械系副教授
- ✓ 東南技術學院機械系講師
- ✓ 東南工專機械系講師

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Đương nhiệm Trưởng phòng phòng nghiên cứu và phát triển trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Viện trưởng Học viện Công trình trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Chủ nhiệm trung tâm nghiên cứu khoa học kỹ thuật Vi Nano trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Giáo sư Khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Phó Giáo sư Khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Giảng viên Khoa cơ khí Học viện kỹ thuật Đông Nam.
- ✓ Giảng viên Khoa cơ khí trung cấp nghề Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：陳鑫培

級職　　：助理教授

學歷　　：國立台灣大學，化學研究所，博士

研究領域　　：普通化學、有機化學、無機化學、觸媒化學、高分子化合物之合成

校內分機　　：02-86625917 分機 24

研究室　　：信義 405-5

Email　　：spchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Hâm Bồi
Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư
Trình độ　　: Tiến sỹ viện nghiên cứu Hóa học trường đại học quốc lập Đài Loan.
Lĩnh vực nghiên cứu: Hóa học phổ thông, Hóa học hữu cơ, Hóa học vô cơ, Hóa học xúc tác
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 24
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 405-2
Email　　: spchen@mail.tnu.edu.t

個人經歷

東南科技大學機械系助理教授迄今

Kinh nghiệm cá nhân

Trợ lý Giáo sư khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam đến nay.

個人檔案

姓名　　：賴月梅

級職　　：講師

學歷　　：華梵大學 工業管理研究所 碩士

研究領域　：電腦輔助繪圖 高階電腦輔助繪圖 生產管理 品質管制

校內分機　：02-86625917 分機 29

研究室　：信義 403-5

Email　：meian_0226@yahoo.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Lai Nguyệt Mai
Cấp bậc chức vụ : Giảng viên
Trình độ : Thạc sỹ viện nghiên cứu Quản lý công nghiệp trường Đại học Hoa Phạn
Lĩnh vực nghiên cứu: Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính, Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính cấp cao, Quản trị sản xuất, Kiểm soát chất lượng.
Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 29
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín nghĩa 403-5
Email : meian_0226@yahoo.com.tw

個人經歷

東南科技大學講師

Kinh nghiệm cá nhân

Giảng sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam.

個人檔案

姓名　：翁文德

級職　：副教授

學歷　：國立中央大學機械工程研究所博士、中正理工學院造船工程研究所碩士、國立台灣海洋學院造船工程學系

研究領域　：逆向工程、自動檢測

校內分機　　：02-86625917 分機 45

研究室　　：信義 402 室

Email　　：uengwd@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Ông Văn Đức

Cấp bậc chức vụ : Phó Giáo sư

Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập Trung Ương, Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình đóng tàu Học viện khoa học công nghệ Trung Chính. Khoa kỹ thuật đóng tàu Học viện Hải Dương Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật đảo ngược, Kiểm tra đo lường tự động.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 45

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 402

Email　　: uengwd@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

現任 東南科技大學機械工程系副教授

Kinh nghiệm cá nhân

Đương nhiệm Phó giáo sư khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam

招生資訊

Thông tin tuyển sinh

1. 招生資訊

本系在108學年度將招收日間部四技三班(機械工程系一班,車輛組三班)；進修部四技二班。 另研究生 24 名(機械工程研究所一般生 12

名及在職生 12 名)。

Thông tin tuyển sinh

Khoa này niên học 2019 sẽ chiêu sinh thu nhận 3 lớp ban ngày theo 4 kỹ năng (1 lớp khoa công trình cơ khí, 3 lớp tổ Xe cộ); 2 lớp tại chức theo 4 kỹ năng. Ngoài ra còn có nghiên cứu sinh 24 suất (12 suất nghiên cứu sinh viện nghiên cứu công trình cơ khí và 12 suất tại chức)

2. 四技招生管道

機械工程系一班

1.四技聯合分發名額

- ✓ 機械 11 名
- ✓ 動力機械群 1 名

2.推薦甄選名額

- ✓ 機械群 50 名

3.技優甄審入學

- ✓ 機械類 3 名

4.體優生

- ✓ 體保生 5 名

5.原民、海外生與身障獨招等

- ✓ 其他類 0 名

車輛組三班

1.四技聯合分發名額

- ✓ 機械群 5 名
- ✓ 動力機械群 33 名

2.推薦甄選名額

- ✓ 機械群 5 名
- ✓ 動力機械群 65 名
- ✓ 海事類 3 名

3.技優甄審入學

- ✓ 汽車類 10 名
- ✓ 機械類 2 名

4.體優生

- ✓ 體保生 5 名

5.原民、海外生與身障獨招等

- ✓ 其他類 1 名

Cách thức tuyển sinh theo 4 kỹ năng

Khoa công trình cơ khí 1 lớp

1. Hạn ngạch phân phát tổng hợp theo 4 kỹ năng
   Cơ khí 11 suất
   Nhóm cơ khí động lực 1 suất
2. Hạn ngạch đề xuất lựa chọn
   Nhóm cơ khí 50 suất
3. Đánh giá theo kỹ năng ưu tú để nhập học

Nhóm cơ khí 3 suất

4. Sinh viên năng khiếu thể thao
   Sinh viên thể chất 5 suất
5. Sinh viên người dân tộc, sinh viên nước ngoài hoặc người tàn tật tuyển sinh đặc biệt
   Nhóm khác 0 suất

Nhóm xe cộ 3 lớp

1. Hạn ngạch phân phát tổng hợp theo 4 kỹ năng
   Cơ khí 5 suất
   Nhóm cơ khí động lực 33 suất
2. Hạn ngạch đề xuất lựa chọn
   Nhóm cơ khí 5 suất
   Nhóm cơ khí động lực 65 suất
   Nhóm hàng hải 3 suất
3. Đánh giá theo kỹ năng ưu tú để nhập học
   Nhóm xe hơi 10 suất
   Nhóm cơ khí 2 suất
4. Sinh viên năng khiếu thể thao
   Sinh viên thể chất 5 suất
5. Sinh viên người dân tộc, sinh viên nước ngoài hoặc người tàn tật tuyển sinh đặc biệt
   Nhóm khác 1 suất

3. 專業能力與教學目標

本系(所)以推展機械相關產業升級，發展精密機械相關技術，培育工業界高級機械科技人才，使其具備精密製造、精密量測、微奈米檢測技術、材料分析、電腦輔助工程、機電整合等相關知識，能夠從事於製造、分析、設計開發、整合與工業管理等基本為目標。

Khoa này nhằm thúc đẩy nâng cấp các ngành công nghiệp liên quan đến máy móc, phát triển các công nghệ liên quan đến máy móc tinh vi, bồi dưỡng nhân tài khoa học kỹ thuật cơ khí ngành công nghiệp cao cấp, để có được chế tạo chính xác, đo lường chính xác, kỹ thuật kiểm tra đo lường vi nano, phân tích vật liệu, công trình phụ trợ máy tính, kiến thức liên quan đến điện cơ tổng hợp, có khả năng chuyên chế tạo, phân tích, phát triển thiết kế, tích hợp và quản lý công nghiệp v.v…được xem như là những mục tiêu cơ bản.

4. 教學特色及課程規劃

機械工程系(所)的發展主軸包含精密製造技術、微奈米技術與電腦輔助工程分析等三大領域，分述如下：

精密製造技術：非傳統加工技術、精密量測、精密模具、模流分析、逆向工程技術。

微奈米技術：微奈米檢測技術、薄膜製程技術、材料微結構分析、微振動分析、粉末冶金、微機電技術。

電腦輔助工程分析：電腦輔助設計與製造、產品開發設計、有限元素分析、結構分析、電子熱傳分析。

車輛工程技術： 創意設計、車體結構分析、維修與管理、控制系統、車輛電能及燃料系統等。

大學部課程(畢業門檻)：

四年制大學部畢業學分為 128 學分以上，包括共同必修 課程 44

學分，專業必修課程 53 學分。專業必修包括物理 、化學、工程數學、機械製造、機械設計、工程力學、 工程材料、與實務專題等。選修課程涵蓋精密機械製造 技術、微奈米技術與電腦輔助工程分析等三大領域，同 學可以依照自己的興趣選修適合的課程。

研究所課程：

畢業學分為 32 學分，需修完專業必修 8 學分，以及專業選修 24 學分。專業選修包括超精密加工技術 、微奈米檢測技術、薄膜製程技術、電子顯微鏡原理與應用 、材料分析、奈米振動分析、粉末冶金、有 限元素分析、熱傳量測技術、機電控制、光電工程、微/奈米機電系統、液壓伺服系統、IC/LCD 製程、自 動化設備、系統設計、機器人技術等。

Quy hoạch chương trình học và đặc sắc giáo dục

Chủ chốt phát triển của Khoa công trình cơ khí bao gồm kỹ thuật chế tạo tinh vi, kỹ thuật micro nano và phân tích công trình với sự phụ trợ máy tính là 3 lĩnh vực lớn nhất được trình bày như sau:

Kỹ thuật chế tạo tinh vi: kỹ thuật gia công phi truyền thống, đo lường chính xác, khuôn mẫu chính xác, phân tích dòng chảy khuôn, kỹ thuật đảo ngược.

Kỹ thuật micro nano: kỹ thuật kiểm tra đo lường micro nano, kỹ thuật chế tạo màng mỏng, phân tích vật liệu vi cấu trúc, phân tích rung động.

Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính: máy tính hỗ trợ thiết kế và chế tạo, thiết kế phát triển sản phẩm, phân tích nguyên tố hữu hạn, phân tích kết cấu, phân tích truyền nhiệt điện tử

Kỹ thuật công trình xe cộ: thiết kế sáng tạo, phân tích kết cấu thân xe, bảo trì và quản lý, hệ thống điều khiển, hệ thống nhiên liệu và điện năng của xe cộ

Chương trình bậc Đại học (Ngưỡng cửa tốt nghiệp):

Bậc Đại học 4 năm có số học phần tốt nghiệp là 128 học phần trở lên, bao gồm môn học bắt buộc là 44 học phần, khóa học chuyên môn bắt buộc là 53 học phần. Chuyên môn bắt buộc bao gồm vật lý, hóa học, toán học công trình, chế tạo cơ khí, thiết kế cơ khí, lực học công trình, vật liệu công trình và chuyên đề thực hành. Chuyên môn tự chọn bao gồm: Kỹ thuật chế tạo cơ khí tinh vi, Kỹ thuật micro-nano, Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính là 3 lĩnh vực lớn nhất, sinh viên có thể dựa theo sở thích bản thân mà lựa chọn khóa học thích hợp.

Chương trình bậc nghiên cứu:

Học phần tốt nghiệp là 32 học phần, chuyên môn bắt buộc phải hoàn thành là 8 học phần và chuyên môn tự chọn là 24 học phần. Chuyên môn tự chọn bao gồm Kỹ thuật cơ khí siêu chính xác, Kỹ thuật kiểm tra đo lường micro-nano, Kỹ thuật chế tạo màng mỏng, Ứng dụng và nguyên lý kính hiển vi điện tử, Phân tích vật liệu, Phân tích rung động Nano, Luyện kim bột, Phân tích nguyên tố hữu hạn, Kỹ thuật đo lường truyền nhiệt, Hệ thống điện cơ tích hợp, Kỹ thuật quang điện, Hệ thống cơ điện Nano - micro-nano, Hệ thống máy ép thủy lực, Quá trình chế tạo IC/LCD, Xử lý ảnh kỹ thuật số, Thiết bị tự động hóa, Thiết kế hệ thống, Kỹ thuật robot…

5. 師資陣容

現有專任專業師資 15 位，包括教授 5 位、副教授 2 位、助理教授

5 位、講師 4 位 ，具有博士學位者 12 位。

師資皆具有乙級以上技術證照，或是多年的實務工作經驗，本系師資陣容堅強在私立技職院校中名列前茅。

Đội ngũ giáo viên

Hiện có 15 giáo viên chuyên nghiệp toàn thời gian, bao gồm Giáo sư 4 người, phó giáo sư 2 người, trợ lý giáo sư 2 người, Giảng viên 4 người. Học vị tiến sĩ có 12 người. Đội ngũ giáo viên đều có chứng chỉ kỹ thuật loại B trở lên, hoặc có kinh nghiệm thực tế nhiều năm. Đội ngũ giáo viên của khoa của trường luôn đứng trong top những trường tốt nhất trong các trường nghề tư nhân.

6. 主要設備

1. **精密製造技術**：雷射雕刻機、超鏡面研磨機、高速雕銑機、CNC 線切割機、深孔放電加工機、電腦射出成型機、數值控制切削中心機、2D/3D 表面輪廓粗度儀、雷射掃瞄儀、真圓度測定機、三次元量床等。
2. **微奈米技術**：掃描式電子顯微鏡、高真空濺鍍系統、多模態掃描式探針顯微鏡、奈米硬度量測儀、雷射顯微振動量測系統。
3. **電腦輔助工程分析**：電腦教室、AutoCad 2017、Inventor Pro 2017、Pro/E WildFire 5.0、CREO Parametric 4.0 、Solid Edge、Solid Works、MSC/NASTRAN 、MATLAB 、 STAR-CD、ANSYS‧‧‧‧。

4. **國家技能檢定合格場地**：車床工、機械製圖、鉗工、電腦輔助繪圖、電腦 3D 繪圖。

Thiết bị chủ yếu:

1. Kỹ thuật chế tạo tinh vi: Máy khắc laser, Máy mài mặt kính, Máy chạm khắc và phay tốc độ cao, Máy cắt dây CNC, Máy gia công tia lửa điện EDM, Máy ép phun máy tính, Máy cắt trung tâm kiểm soát bằng chỉ số, Máy đánh bóng mặt kính, Máy đo biên dạng và độ nhám bề mặt 2D/3D, Máy quét laser, Máy đo độ tròn, Máy đo 3 chiều.
2. Kỹ thuật micro-nano: Kính hiển vi điện tử quét, Hệ thống phún xạ chân không cao, Kính hiển vi quét đầu dò đa phương thức, Máy đo độ cứng Nano, Hệ thống đo rung động bằng laser.
3. Phân tích công trình với sự hỗ trợ máy tính: Phòng học máy tính: AutoCAD 2017, Inventor Pro 2017, Pro/E WildFire 5.0, CREO Parametric 4.0, Solid Edge, Solid Works, MSC/NASTRAN, MATLAB, STAR-CD, ANSYS…
4. Địa điểm kiểm định kỹ năng đạt chuẩn quốc gia: công nhân máy tiện, nhân viên bảo trì, tạo bản vẽ cơ khí với sự hỗ trợ máy tính, tạo biểu đồ ba chiều với sự hỗ trợ máy tính.

7. 升學管道與就業出路

本系為鼓勵本系優秀學子繼續升學，暢通升學管道，本系教師每年輔導學生參加推薦甄試及 學歷測驗事宜，歷年報考研究所同學為數不少，且都有相當優異的成績，上榜同學，更為各 公私立大學系所師生肯定，成果相當豐碩。 本系學生畢業時大多具有乙、丙級以上之檢定證照，可以從事的工作項目：

1. 機械、汽車、航太工業：電腦輔助設計製造、熱流工程、材料分析、機構設計、車輛設　計與製造、船舶設計與製造、航空工程、產業自動化、機械研發設計製造、品質管制與　檢驗、冷凍空調工程等。
2. 電子、半導體、光電工業：機構設計、系統整合、半導體產業設備設計製造、電子材料　設計研發等。
3. 報考國內大學院校相關研究所或是出國繼續深造。

Đầu ra việc làm và cách thức học nâng cao

Khoa này vì để khích lệ sinh viên ưu tú tiếp tục học nâng cao, cách thức học lên thông suốt. Giảng viên của khoa mỗi năm phụ đạo cho sinh viên tham gia việc đề xuất kiểm tra và kiểm nghiệm trình độ, trong năm không ít những sinh viên đã đến viện nghiên cứu báo danh kiểm tra và đều đạt được thành tích tuyệt vời. Sinh viên trong danh sách trên đều được thầy trò bộ môn các trường đại học công lâp và dân lập khẳng định, thành tích phong phú. Sinh viên của khoa lúc tốt nghiệp có rất nhiều bạn đã có kiểm định chứng chỉ A, B trở lên, có thể chuyên làm các hạng mục công việc sau:

1. Ngành cơ khí, xe hơi, hàng không vũ trụ: Chế tạo thiết kế với sự hỗ trợ máy tính, Công trình dòng nhiệt, phân tích vật liệu, thiết kế cơ cấu, thiết kế và chế tạo xe cộ, thiết kế và chế tạo tàu thuyền, công trình hàng không, ngành nghề tự động hóa, thiết kế chế tạo và nghiên cứu phát triển cơ khí, kiểm tra đo lường và kiểm soát chất lượng, công trình điều hòa làm lạnh…
2. Ngành điện tử, chất bán dẫn, quang điện: thiết kế cơ cấu, hệ thống tích hợp, thiết kế và chế tạo thiết bị ngành chất bán dẫn, thiết kế nghiên cứu phát triển vật liệu điện tử…
3. Đăng ký thi vào các viện nghiên cứu, trường cao đẳng và đại học

trong nước hoặc xuất ngoại tiếp tục học chuyên sâu.

8. 教學及研究成果

本系師生研究成果豐碩，擇要列舉如下：

本系年年均獲得教育部補助技專校院發展學校重點特色計畫，總補助金額達 5000 萬元。

獲教育部三年期奈米人才培育計畫『北區奈米人才培育中心』之分項計畫，成為奈米培育團隊。

『國科會研究計畫』與『產官學合作計畫』、『國內外期刊論文』數目居全校各系之冠，在全國各　私立技職院校中亦名列前茅。

本系榮獲教育部技職再造設備更新補助二千三百七十四萬元

Dạy học và thành quả nghiên cứu

Giáo viên và sinh viên của khoa có những thành quả nghiên cứu phong phú, chọn lọc liệt kê như sau:

Bình quân mỗi năm khoa này đều nhận được hỗ trợ từ kế hoạch phát triển trọng điểm đặc sắc cho các trường nghề cao đẳng đại học của Bộ giáo dục, tổng số tiền hỗ trợ đạt tới 5,000,000 Đài tệ.

Nằm trong kế hoạch con như là “Trung tâm bồi dưỡng nhân tài nano khu vực phía Bắc” trong kế hoạch bồi dưỡng nhân tài nano kỳ hạn 3 năm của Bộ giáo dục, trở thành đội ngũ bồi dưỡng Nano.

9. 未來展望

機械工程系將結合業界需求，並增設在職專班研究所提供學子回流教育，期望能為 國內機械工業教育做出貢獻。在學生輔導方面將以加強就業知能以及培養升學能力為主要目標，並 以全人教育的理念培養五育並重的優秀青年。

Triển vọng tương lai:

Khoa công trình cơ khí luôn kết hợp nhu cầu các ngành công nghiệp trên Thế Giới, lập mới lớp nghiên cứu chuyên ban tại chức cung cấp giáo dục cho sinh viên hồi lưu. Hy vọng tạo ra nhiều cống hiến cho ngành giáo dục công nghiệp cơ khí trong nước. Về việc hướng dẫn phụ đạo sinh viên, mục tiêu chính là tăng cường kiến thức việc làm và bồi dưỡng năng lực học tập chuyên sâu và theo ý tưởng giáo dục toàn diện bồi dưỡng ngũ dục, chú trọng những người trẻ tuổi thanh niên xuất sắc.

行政人員

Nhân viên hành chính

個人檔案

姓名　　：馮祥昇

級職　　：組員

校內分機　　：02-86625917 分機 25

研究室　　：信義 203

Email　　：feng9752@yahoo.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Phùng Tường Thăng
Cấp bậc chức vụ : Tổ viên.
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 25
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 203
Email　　: feng9752@yahoo.com.tw

車輛工程技術

Kỹ thuật công trình xe cộ

個人檔案

姓名　　：張俊興

級職　　：助理教授專業級技術人

學歷　　：國立師範大學工業教育系碩士、現博士班

研究領域　：車輛綜合檢驗、車輛感器原理與應用、車

校內分機　：5917

研究室　　：信義 203

Email　　：antun@acrown.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trương Tuấn Hưng

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý giáo sư kỹ thuật chuyên nghiệp

Trình độ　　: Thạc sỹ Khoa đào tạo công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm

Hiện đang học lớp nghiên cứu Tiến sĩ.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kiểm nghiệm tổng hợp xe cộ, Ứng dụng và nguyên lý cảm biến xe cộ, Kỹ thuật xe cộ.

Số máy nội bộ : 5917
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín nghĩa 203
Email : antun@acrown.com.tw

個人經歷 Kinh nghiệm cá nhân

學歷:

1、 國立台灣師範大學 工業教育研究所 博士班研究生 (102~)

2、 國立台灣師範大學 工業教育研究所 碩士 技職組 (96~98)

3、 國立台灣師範大學 工業教育學系 學士 汽車組 (88~90)

Trình độ:

1. Nghiên cứu sinh lớp Tiến sỹ viện nghiên cứu giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan (102-)
2. Tổ kỹ thuật lớp Thạc sỹ viện nghiên cứu giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan (96-98).
3. Tổ xe hơi lớp Cử nhân Khoa giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan (88-90).

工作經歷:

1、 美國 Snap-on 工具好利貿易有限公司-協理 (95 至今)

2、 美國 Snap-on 工具好利貿易有限公司業務部-經理 (90~95)

3、 美國 Snap-on 工具好利貿易有限公司-技術顧問 (88~90)

4、 車王汽車股份有限公司-工程師 (85.11~88.12)

5、 啟福汽車股份有限公司竹山廠-技師 (84.04~84.09)

6、 白金汽車股份有限公司-技師 (81.06~81.09)

7、 晉昌汽車修護廠-技師 (80~83 暑假期間)

Kinh nghiệm làm việc:

1. Cộng sự- Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại công cụ Snap-on Mỹ (Năm 95 đến nay)
2. Giám đốc - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại công cụ Snap-on Mỹ (90-95).
3. Cố vấn kỹ thuật - Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại công cụ Snap-on Mỹ (88-90).
4. Kỹ sư – Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần xe hơi Xe Vua (85.11~88.12).
5. Kỹ thuật viên – Xưởng Trúc Sơn Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần xe hơi Khải Phúc (84.04~84.09)
6. Kỹ thuật viên – Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần xe hơi Bạch Kim (81.06~81.09).
7. Kỹ thuật viên – Xưởng bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi Tấn Xương (80-83 thời gian nghỉ hè).

教學及評審經驗:

1、 國立台灣師範大學科技學院工業教育學系兼至講師 (101~)

2、 全國高級中等學校工科學生技藝競賽命題及評判委員 (91 學年度至今)

3、 中華職業訓練中心 第 40、41、42、43 期汽車修護講師 (88~89)

4、 第 35 屆全國技能競賽命題及裁判助理人員 (87~89)

5、 國際技能競賽汽車技術選手訓練師 (88 至今)

6、 國際技能競賽汽車技術選手國手選拔評審委員 (101)

Kinh nghiệm đánh giá và dạy học:

1. Giảng viên Khoa giáo dục công nghiệp Học viện khoa học kỹ thuật trường Đại học quốc lập sư phạm Đài Loan (101-)
2. Ủy viên trọng tài và đề xuất thi đấu kỹ năng kỹ thuật của sinh viên các trường Trung cấp, Cao đẳng, Đại học trên toàn quốc (niên học năm 91

đến nay)

3. Giảng viên bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi kỳ 40, 41, 42, 43 Trung tâm huấn luyện nghề nghiệp Trung Hoa.
4. Trợ lý trọng tài và đề xuất thi đấu kỹ năng toàn quốc lần thứ 35.
5. Nhân viên huấn luyện tuyển thủ kỹ năng kỹ thuật xe hơi toàn quốc (năm 88 đến nay).
6. Ban giám khảo đánh giá tuyển chọn tuyển thủ quốc gia kỹ thuật xe hơi cuộc thi kỹ năng quốc tế (101).

專業證照:

1、 ISO-14001:1996 國際主任稽核員證照 (證照號碼:4043/16)

2、 甲級汽車修護技術證 (證照號碼:000041)

3、 乙級汽車修護技術證 (證照號碼:020-005178)

4、 丙級汽車修護技術證 (證照號碼:020-015056)

5、 交通部汽車檢驗員執照 (證照號碼:1002634)

6、 交通部汽車考驗員執照 (證照號碼:2002941)

Chứng chỉ chuyên nghiệp:

1. Chứng nhận kiểm toán viên chủ nhiệm quốc tế ISO-14001:1996 (mã số chứng chỉ: 4043/16)
2. Chứng chỉ kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi loại A (mã số chứng chỉ: 000041)
3. Chứng chỉ kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi loại B (mã số chứng chỉ: 020-005178)
4. Chứng chỉ kỹ thuật bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi loại C (mã số chứng chỉ: 020-015056)
5. Giấy phép thanh tra xe hơi Bộ giao thông (mã số chứng chỉ: 1002634)
6. Giấy phép nhân viên kiểm tra xe hơi Bộ giáo dục (mã số chứng chỉ: 2002941)

專業訓練:

1、美 國 Snap-on Torque Tester and Calibrator system Training(SINGAPORE)

2、美國 Snap-on Torque Wrench Training(JAPAN)

3、美國 Snap-on Pnuematic Tools Training(JAPAN)

4、美國 Snap-on lndustrinl Swaging Equipment Training(USA.)

5、美國 Snap-on Air & Cordless Tools Training(USA.)

6、美國 Sioux & Selzer Training(USA.)

7、美國 Snap-on tools “Field Manager training”(USA.)

8、參加企業願景領導修練營研習班

9、參加 ISO-14001:1996 國際主任稽核員研習班

10、English language course(Intermedinte)-Stafford house，Cambridge.

11、English language course(Intermedinte)-Embassy CES，London.

12、交通部公路局中部汽訓中心考檢驗員研習班.

13、大專生集訓班.

Huấn luyện chuyên nghiệp:

1. America Snap-on Torque Tester and Calibrator system Training(SINGAPORE)
2. America Snap-on Torque Wrench Training(JAPAN).
3. America Snap-on Pnuematic Tools Training(JAPAN).
4. America Snap-on lndustrinl Swaging Equipment Training(USA)
5. America Snap-on Air & Cordless Tools Training(USA)
6. America Sioux & Selzer Training(USA)
7. America Snap-on tools “Field Manager training”(USA)

8. Tham gia lớp huấn luyện đào tạo tầm nhìn lãnh đạo doanh nghiệp
9. Tham gia lớp nghiên cứu học tập kiểm toán viên chủ nhiệm quốc tế ISO-14001:1996

專業技能競賽:

1、八十九年第八屆省油車大賽造型獎-第三名

2、八十六年在瑞士第三十四屆國際技能競賽汽車技術-金牌

3、八十五年第三十四屆國際技能競賽汽車技術國手選拔決賽-正取國手

4、八十五年第三十四屆國際技能競賽汽車技術國手選拔初賽-第一名

5、八十四年第三十三屆國際技能競賽汽車技術國手選拔賽-備取國手

6、八十三年第二十五屆全國技能競賽汽車修護職類總決賽-第一名

7、八十三年第二十五屆全國技能競賽汽車修護職類分區賽-第一名

8、八十三學年度全國工業類科學生技藝競賽汽車修護職類-第五名

Kỹ năng thi đấu chuyên nghiệp:

1. Hạng 3 - Giải thi đấu tạo hình xe tiết kiệm nhiên liệu lần thứ 8 năm 89.
2. Huy chương vàng - Cuộc thi kỹ thuật xe hơi kỹ năng quốc tế lần thứ 34 năm 86.
3. Tuyển thủ quốc gia - Chung kết tuyển chọn tuyển thủ quốc gia kỹ thuật xe hơi cho cuộc thi kỹ năng quốc tế lần thứ 34 năm 85
4. Giải nhất – Sơ đấu tuyển chọn tuyển thủ quốc gia kỹ thuật xe hơi cho

cuộc thi kỹ năng quốc tế lần thứ 34 năm 85

5. Tuyển thủ dự bị - Tuyển chọn tuyển thủ quốc gia kỹ thuật xe hơi cho cuộc thi kỹ năng quốc tế lần thứ 33 năm 84
6. Giải nhất - Chung kết tuyển chọn nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi cuộc thi kỹ năng toàn quốc lần thứ 25 năm 83.
7. Giải nhất – Giải thi đấu khu vực nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi cuộc thi kỹ năng toàn quốc lần thứ 25 năm 83.
8. Giải 5 – nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi cuộc thi kỹ nghệ công nghiệp toàn quốc của sinh viên niên học 83.

優良事蹟:

1、八十八學年度表現優良榮獲二等三級木鐸獎章-木鐸獎

2、八十八學年度國立台灣師範大學傑出學生選拔-傑出學生

3、八十七年行政院青輔會全國青年發展會議-推薦代表

4、八十六年省立東勢高工傑出校友選拔-傑出校友

5、八十一年至八十三年在校表現優異-特殊優良獎

6、八十一年至八十三年在校表現優異-實習獎

7、八十一年至八十三年在校表現優異-智育第三名

8、八十一學年度工業安全衛生相關知識測驗-優勝獎

9、八十學年度校內技藝競賽獎-優勝獎

10、八十一學年度校內技藝競賽-優勝獎

11、八十二學年度校內技藝競賽-優勝獎

Việc làm tốt:

1. Giải Dâm bụt – vinh hạnh giành được huy chương cấp 3 nhị đẳng biểu hiện xuất sắc niên học 88
2. Sinh viên xuất sắc – Cuộc tuyển chọn sinh viên kiệt xuất của trường Đại học quốc lập sư phạm Đài Loan niên học 88.

3. Đại biểu đề xuất – Hội nghị phát triển thanh niên toàn quốc Hội phụ đạo thanh niên Viện hành chính năm 87.
4. Cựu sinh viên xuất sắc – Cuộc tuyển chọn cựu sinh viên xuất sắc trường trung cấp nghề Đông Thế năm 86.
5. Giải thưởng đặc biệt ưu tú – Có thành tích xuất sắc ở trường từ năm 81 – năm 83.
6. Giải thưởng thực tập – Có thành tích xuất sắc ở trường từ năm 81 – năm 83.
7. Giải 3 giáo dục trí tuệ - Có thành tích xuất sắc ở trường từ năm 81 – năm 83.
8. Đạt giải ưu tú - cuộc thi kiểm tra kiến thức liên quan đến an toàn vệ sinh ngành công nghiệp niên học năm 81.
9. Đạt giải ưu tú – Giải thi đấu kỹ năng trong trường niên học năm 80.
10. Đạt giải ưu tú – Giải thi đấu kỹ năng trong trường niên học năm 81.
11. Đạt giải ưu tú – Giải thi đấu kỹ năng trong trường niên học năm 82.

特殊貢獻:

1、 國立台灣師範大學工業教育學系系學會-理事 (89~90)

2、 台灣師範大學學生會公關組-委員 (88~89)

3、 汽機車研究社-講師 (88~89)

4、 創造發明研究社-技術顧問 (88~89)

5、 行政院青輔會推薦代表全國青年發展會議-代表 (87)

6、 中華民國友誼團親善大使赴美訪問-親善大使 (87)

7、 國立雲林工專繫雲會社團-社長 (84~85)

Cống hiến đặc biệt:

1. Giám đốc - khoa đào tạo giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập sư phạm Đài Loan.
2. Ủy viên - Ban Quan hệ công chúng sinh viên trường Đại học sư phạm Đài Loan (88-89)
3. Giảng viên – Tổ nghiên cứu xe máy và xe hơi (88-89)
4. Cố vấn kỹ thuật – Tổ nghiên cứu phát minh sáng tạo (88-89).

5. Đại biểu – Hội nghị phát triển Thanh niên toàn quốc đại biểu đề xuất hội phụ đạo Thanh niên Viện hành chính（89）
6. Đại sứ thân thiện – Đoàn hữu nghị Trung Hoa Dân Quốc làm đại sứ thân thiện đến Hoa kỳ phỏng vấn (87)
7. Xã trưởng – Xã đoàn quốc lập hội kỹ sư Vân Lâm (84-85)

個人檔案

姓名　　：黃堯添

級職　　：講師

學歷　　：東南科大機電整合研究所碩士

研究領域　：汽車工程、車輛實務、工廠管理、汽車售後服務、車輛保險、汽車設計

校內分機　：5917

研究室　　：信義 203

Email　　：yaotien59@gmail.com

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Hoàng Nghiêu Thiêm
Cấp bậc chức vụ : Giảng viên
Trình độ　　: Thạc sỹ Viện nghiên cứu tích hợp điện cơ trường đại học công nghệ Đông Nam
Lĩnh vực nghiên cứu: Công trình xe hơi, Thực hành xe cộ, Quản lý công xưởng, Dịch vụ xe hơi sau bán hàng, Bảo hiểm xe cộ, Thiết kế xe hơi.
Số máy nội bộ　: 5917
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 203
Email　　: yaotien59@gmail.com

個人經歷

Kinh nghiệm cá nhân

經歷:

- ✓ 豐田汽車修護技工
- ✓ 豐田汽車服務專員組長
- ✓ Lexus 內湖服務廠廠長
- ✓ TOYOYA 信義服務廠廠長
- ✓ TOYOTA 新店服務廠廠長
- ✓ TOYOTA 大武崙服務廠廠長
- ✓ TOYOTA 深坑服務廠廠長
- ✓ 豐田汽車總公司業務課

Kinh nghiệm:

- ✓ Công nhân cơ khí xưởng bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi TOYOYA
- ✓ Tổ trưởng chuyên viên dịch vụ xe hơi Toyota
- ✓ Xưởng trưởng xưởng dịch vụ Lexus Nội Hồ
- ✓ Xưởng trưởng xưởng dịch vụ TOYOYA Tín Nghĩa
- ✓ Xưởng trưởng xưởng dịch vụ TOYOYA Tân Điếm
- ✓ Xưởng trưởng xưởng dịch vụ TOYOYA Đại Vũ
- ✓ Xưởng trưởng xưởng dịch vụ TOYOYA Thâm Khanh
- ✓ Khoa nghiệp vụ Tổng công ty xe hơi TOYOYA

專業證照:

1.二級汽車修護技工執照檢定合格證

2.大型車檢驗員執照檢定合格證

3.大型車考驗員執照檢定合格證

4.汽車駕駛人教練訓練檢定合格證

5.汽車駕駛人訓練機構交通法規講師訓練合格證

6.汽車駕駛人訓練機構汽車構造講師訓練合格證

7.液化石化氣汽車改裝及檢驗人員訓練合格證

8.汽車排放控制系統及惰轉狀態檢查訓練合格證

9.環保署舉辦機動車輛噪音檢查訓練合格證

10.環保署舉辦柴油排放煙度儀器檢查訓練合格證

11.甲種勞工安全衛生業務主管訓練合格證

12.職業聯結車駕駛執照

13.大型重型機車駕駛執照

14.小型車考驗員執照檢定合格證

15.小型車檢驗員執照檢定合格證

16.乙級汽車修護技術士執照檢定合格

17.環境管理稽核訓練合格等

Chứng chỉ chuyên nghiệp:

1. Giấy phép kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi thứ cấp.
2. Giấy phép thanh tra kiểm định xe loại lớn.
3. Giấy phép khảo nghiệm kiểm định xe loại lớn.
4. Giấy chứng nhận huấn luyện đạt chuẩn kiểm định giảng dạy cho người thi bằng lái xe hơi.
5. Giấy chứng nhận huấn luyện đạt chuẩn giảng viên luật giao thông cơ cấu huấn luyện cho người thi bằng lái xe hơi
6. Giấy chứng nhận huấn luyện đạt chuẩn giảng viên Cấu tạo xe hơi cơ cấu huấn luyện cho người thi bằng lái xe hơi

7. Giấy chứng nhận đạt chuẩn huấn luyện người kiểm nghiệm và sửa đổi xe hơi dầu khí hóa lỏng.
8. Giấy chứng nhận đạt chuẩn huấn luyện kiểm tra trạng thái nghỉ ngơi và hệ thống kiểm soát khí thải xe hơi.
9. Giấy chứng nhận đạt chuẩn huấn luyện kiểm tra tiếng ồn máy móc xe cộ được tổ chức bởi Cơ quan bảo vệ môi trường.
10. Giấy chứng nhận đạt chuẩn huấn luyện kiểm tra độ khí thải của xăng dầu được tổ chức bởi Cơ quan bảo vệ môi trường.
11. Giấy chứng nhận đạt chuẩn huấn luyện chủ quản nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động hạng A.
12. Giấy phép lái xe xe liên kết chuyên nghiệp.
13. Giấy phép lái xe các loại xe máy, xe vừa và lớn.
14. Giấy phép khảo nghiệm đạt chuẩn kiểm định loại xe hơi nhỏ.
15. Giấy phép thanh tra đạt chuẩn kiểm định loại xe hơi nhỏ.
16. Giấy phép kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa xe hơi hạng B.

個人檔案

姓名　　：李學禮

級職　　：講師

學歷　　：台北科技大學車輛工程碩士

研究領域　：車輛工程、工業工程、車輛專業實務實習

校內分機　：5917

研究室　　：信義 203

Email　　：kmvs0510@yahoo.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lý Học Lễ

Cấp bậc chức vụ : Giảng viên

Trình độ　　: Thạc sỹ Khoa công trình xe cộ trường Đại học

khoa học kỹ thuật Đài Bắc.
Lĩnh vực nghiên cứu: Công trình xe cộ, Công trình công nghiệp, Thực tập thực hành chuyên nghiệp xe cộ.
Số máy nội bộ : 5917
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 203
Email : kmvs0510@yahoo.com.tw

個人經歷

Kinh nghiệm cá nhân

經歷:

大慶汽車（Subaru）課長、廠長

雷諾汽車（Renault）技術員、組長、課長

Kinh nghiệm:
Xưởng trưởng, Trưởng Khoa hãng xe ô tô SUBARU
Kỹ thuật viên, Tổ trưởng, Trưởng Khoa hãng xe ô tô RENAULT.

證書:

- ✓ 教育部合格汽車科教師證書（中字第 9000262 號）
- ✓ 台北縣政府數學合格教師資格證書（北府教註第 920112 號）
- ✓ 淡江大學中等學校教師專門科目認定證明書(92 校推證字第 0300 號）
- ✓ 元智大學機械工程研究所學分班證明書
- ✓ 行政院勞委會職業訓練局機車修護類術科監評證書（職檢 0028670 號）
- ✓ 台灣省合格汽修科技術教師證書（教技登字第 202024 號）

- ✓ 行政院勞委會職業訓練局機車修護類乙丙級術科監評證書（勞中二字第 0940200022 號）
- ✓ 行政院勞委會職業訓練局汽車修護類丙級術科監評證書（勞中二字第 0990202358 號）
- ✓ 1 國際技能競賽中華民國技能競賽委員會證明書勞競字第(0950500263 號)
- ✓ 教育部大專校院講師證書(講字第 09564 號)

Giấy chứng nhận:

- ✓ Chứng nhận đạt chuẩn giáo viên khoa ô tô của Bộ Giáo dục (Mã số 9000262)
- ✓ Chứng nhận đạt chuẩn tư cách giáo viên Toán học Chính phủ tỉnh Đài Bắc (danh sách giáo dục của chính phủ Đài Bắc số 920112)
- ✓ Chứng nhận giáo viên môn học chuyên môn các trường trung cấp, đại học Đạm Giang. (Chứng tự trường 92 Mã số 0300)
- ✓ Chứng nhận lớp học phần viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học Nguyên Trí.
- ✓ Chứng nhận giám sát đánh giá kỹ thuật nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe máy Cục huấn luyện nghề nghiệp Ủy ban lao động viện hành chính. (Số 0028670)
- ✓ Chứng nhận giáo viên kỹ thuật sửa chữa ô tô đạt chuẩn Đài Loan (Số 202024)
- ✓ Chứng nhận giám sát đánh giá kỹ thuật nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe máy hạng A, B Cục huấn luyện nghề nghiệp Ủy ban lao động viện hành chính (Số 0940200022)
- ✓ Chứng nhận giám sát đánh giá kỹ thuật nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô hạng B Cục huấn luyện nghề nghiệp Ủy ban lao động viện hành chính (Số 0990202358).
- ✓ Chứng nhận ủy viên kỹ năng thi đấu Trung Hoa Dân Quốc kỳ thi đấu kỹ năng quốc tế (Số 0950500263)
- ✓ Chứng nhận giảng viên trường Cao đẳng nghề của Bộ giáo dục. (Số 09564)

執照:

1.中華民國汽車修護技工執照（No.0002401）

2.交通部汽車考驗員執照（交路檢字第 6508-2 號）

3.交通部汽車檢驗員執照（交路檢字第 6508-1 號）

4.環保署廢氣檢驗員執照（環保康字第 273621 號）

5.行政院勞委會汽車修護乙級技術士執照（020-003538）

Giấy phép:

1. Chứng chỉ kỹ thuật viên bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô Trung Hoa Dân Quốc (Số 0002401).
2. Chứng chỉ nhân viên kiểm tra xe ô tô Bộ giao thông (Số 6508-2)
3. Chứng chỉ nhân viên thanh tra xe ô tô Bộ giao thông (Số 6508-1)
4. Chứng chỉ nhân viên thanh tra khí thải Cơ quan bảo vệ môi trường (Số 273621)
5. Chứng chỉ kỹ thuật viên hạng A nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe ô tô Ủy ban lao động viện hành chính (020-003538)

個人檔案

姓名　　：林福盛

級職　　：助理教授

學歷　　：大同大學機械工程研究所碩士 台灣師範大學車輛系車輛研究所先修班

研究領域　　：一般機車引擎,懸吊系統,煞車系統,電路系統查修,傳動系統檢修及修改及各類型機車保養

校內分機　　：02-86625917 轉 65

研究室　　：鋼構車輛營運中心

Email　　：f102557@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lâm Phúc Thịnh
Cấp bậc chức vụ : Trợ lý giáo sư
Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình cơ khí Đại học Đại Đồng
Lớp tại chức viện nghiên cứu xe cộ thuộc Khoa xe cộ trường Đại học sư phạm Đài Loan.
Lĩnh vực nghiên cứu: Động cơ xe máy phổ thông, hệ thống đình chỉ, hệ thống phanh xe, kiểm tra sửa chữa hệ thống mạch điện, kiểm tra sửa chữa hệ thống chuyển động, sửa đổi và bảo dưỡng các loại hình xe máy.
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 65
Phòng nghiên cứu　: Trung tâm hoạt động xe cộ cấu tạo sắt thép.
Email　　: f102557@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 順益汽車 廠務專員,廠長

- ✓ 考試院職員負責考試委員業務
- ✓ 克萊斯勒 (聯晟汽車)技師,組長
- ✓ 順益汽車技師,組長
- ✓ 裕隆汽車技師.引擎底盤電系修護班班長
- ✓ 友志汽車技師

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Giám đốc nhà máy, chuyên viên nhà máy xe ô tô MITSUBISHI
- ✓ Nhân viên Viện khảo thí phụ trách nghiệp vụ ban kiểm tra.
- ✓ Tổ trưởng, kỹ thuật viên cho hãng xe Chrysler (ô tô Liên Thành)
- ✓ Tổ trưởng, kỹ thuật viên hãng xe ô tô MITSUBISHI
- ✓ Kỹ thuật viên xe ô tô NISSAN, đội trưởng đội bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điện khung động cơ
- ✓ Kỹ thuật viên xe ô tô Hữu Chí.

個人檔案

姓名　　：吳坤齡

級職　　：教授

學歷　　：國立中央大學機械研究所博士

研究領域　：精密量測、放電加工、微細加工

校內分機　：02-86625917 分機 76,49

研究室　　：信義 203

Email　　：klwu@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Ngô Khôn Linh

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ nghiên cứu Cơ khí trường đại học quốc lập Trung Ương

Lĩnh vực nghiên cứu: Đo lường chính xác, Gia công phóng điện, Gia công vi mô

Số máy nội bộ :02-8662591 nhánh 76, 49

Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 203

Email : klwu@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

Kinh nghiệm cá nhân

現任:

- ✓ 東南科技大學機械系主任
- ✓ 機械工程研究所所長
- ✓ 工程與電資學院院長

Chức vụ hiện tại

- ✓ Chủ nhiệm Khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Viện trưởng viện nghiên cứu công trình Cơ khí
- ✓ Viện trưởng học viện nghiên cứu Công trình và Năng lượng điện
- ✓ **經歷:**
- ✓ 東南科技大學機械系教授
- ✓ 高工機械科教師
- ✓ 機械廠技術員

Kinh nghiệm:

- ✓ Giáo sư Khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Giảng viên kỹ thuật Cơ khí trung cấp nghề
- ✓ Kỹ thuật viên xưởng Cơ khí

個人檔案

姓名　　：陳坤男

級職　　：教授

學歷　　：美國辛辛那提大學機械工程研究所 博士

研究領域　：最佳化方法、結構振動實驗、有限元素分析

校內分機　：02-86625917 分機 73

研究室　　：信義樓 403-3

Email　　：knchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Khôn Nam

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Cincinnati Mỹ

Lĩnh vực nghiên cứu: Phương pháp tối ưu, Thí nghiệm chấn động kết cấu, Phân tích nguyên tố hữu hạn

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 73

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 403-3

Email　　: knchen@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科大 組長、主任
- ✓ 東南科大 教務長
- ✓ 東南科大 副教授

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Chủ nhiệm, Tổ trưởng tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Phó Giáo sư tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：蔡豐欽

級職　　：副教授

學歷　　：台灣科大機械所博士

研究領域　：熱流量測、熱流分析、電子熱傳

校內分機　：02-86625917 分機 68

研究室　　：信義樓 405-1

Email　　：fctsai@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Thái Phong Khâm

Cấp bậc chức vụ : Phó Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Đo lường dòng chảy nhiệt, Phân tích dòng chảy

nhiệt, Truyền nhiệt điện tử.

Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 68

Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 405-1

Email : fctsai@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 南亞塑膠股份有限公司 機械工程師
- ✓ 東南技術學院 機械工程系 教師

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Kỹ sư cơ khí tại Công ty trách nhiệm hữu hạn nhựa Đông Á
- ✓ Giảng viên khoa công trình cơ khí H am

個人檔案

姓名 ：周永泰

級職 ：助理教授

學歷 ：國立台灣科技大學，機械所，博士

研究領 ：流體力學、空氣動力學、電子熱傳

校內分機 ：02-86625917 分機 70

研究室 ：信義 407

Email ：ytchou@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Chu Vĩnh Thái

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Cơ học chất lỏng, Khí động lực học, Truyền nhiệt điện tử.

Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 70

Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 407

Email : ytchou@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

現任東南科大機械工程系助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Đương nhiệm trợ lý giáo sư khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名 ：羅玉山

級職 ：助理教授

學歷 ：國立台灣科技大學，機械所，博士

研究領域 ：空氣動力學、電子熱傳、葉片設計

校內分機 ：02-86625917 分機 71

研究室 ：信義 407

Email ：yslo@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : La Ngọc Sơn
Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư
Trình độ : Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan
Lĩnh vực nghiên cứu: Khí động lực học, Truyền nhiệt điện tử, Thiết kế cánh quạt.
Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 71
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 407
Email : yslo@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 工研院航太中心引擎部工程師
- ✓ 東南科大助理教授
- ✓ 經濟部智慧財產局專利審查委員
- ✓ 專利代理人

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Kỹ sư tổ động cơ trung tâm hàng không vũ trụ viện nghiên cứu công nghiệp
- ✓ Trợ lý giáo sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Ủy viên xét duyệt bằng sáng chế Cục sở hữu trí tuệ Bộ kinh tế.
- ✓ Người đại diện bằng sáng chế.

個人檔案

姓名　　：李昌政

級職　　：講師級專業技術人員

學歷　　：國立台北科技大學

研究領域　：車輛工程

校內分機　：02-86625916#59

研究室　：八德 101

Email　：1070902@mail.tnu.edu.tw

,

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lý Xương Chính

Cấp bậc chức vụ : Giảng viên và là nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp.

Trình độ　　: Thạc sỹ - trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Công trình xe cộ

Số máy nội bộ　: 02-86625916 nhánh 59

Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Bát Đức 101
Email : 1070902@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 小型車機構教育講師
- ✓ 車輛電子迴路講師
- ✓ 大型重車機構教育講師
- ✓ 電動機車教育講師
- ✓ 機車修護乙級證照講師
- ✓ 全國技能競賽車輛修護職類裁判

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Giảng viên giảng dạy Cơ cấu xe ô tô vừa và nhỏ.
- ✓ Giảng viên môn Vòng lặp điện tử xe cộ
- ✓ Giảng viên giảng dạy Cơ cấu xe ô tô lớn
- ✓ Giảng viên giảng dạy xe máy điện
- ✓ Giảng viên chứng chỉ loại B nghề bảo dưỡng và sửa chữa xe máy
- ✓ Trọng tài thể loại bảo dưỡng và sửa chữa xe cộ cuộc thi đấu kỹ năng quốc gia.

通識教師
Giáo viên tổng hợp

個人檔案

姓名　　：王玫

級職　　：助理教授

學歷　　：美國湖濱學院，碩士

研究領域　　：世界文明與多元文化、視覺藝術教育

校內分機　　：86625917 分機 11

研究室　　：信義 204

Email　　：mwang@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Vương Mai
Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư
Trình độ　　: Thạc sỹ Học viện Lake Land Mỹ quốc
Lĩnh vực nghiên cứu: Văn minh thế giới và đa văn hóa, Giáo dục nghệ thuật thị giác, Mỹ thuật kiến trúc.
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 11
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 204
Email　　: mwang@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

東南科技大學助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Trợ lý giáo sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：孫瑞琴

級職　　：助理教授

學歷　　：國立政治大學中國文學研究所碩士

研究領域　：中國文學、中國哲學、應用文

校內分機　：86625917 分機 ： 54

研究室　　：信義 405

Email　　：jcsun@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Tôn Thụy Cầm

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu Văn học Trung Quốc trường Đại học chính trị Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Trung Quốc, Triết học Trung Quốc, Văn học ứng dụng

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 54

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 405

Email　　: jcsun@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

東南科技大學助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Trợ lý giáo sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam

電腦輔助工程分析

PHÂ N TÍCH CÔ NG TRÌNH VỚI SỰ HỖ TRỢ MÁ Y TÍNH

個人檔案

姓名　　：陳坤男

級職　　：教授

學歷　　：美國辛辛那提大學機械工程研究所 博士

研究領域　：最佳化方法、結構振動實驗、有限元素分析

校內分機　：02-86625917 分機 73

研究室　　：信義樓 403-3

Email　　：knchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Khôn Nam

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Cincinnati Mỹ

Lĩnh vực nghiên cứu: Phương pháp tối ưu, Thí nghiệm chấn động kết cấu, Phân tích nguyên tố hữu hạn

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 73

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 403-3

Email　　: knchen@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科大 組長、主任
- ✓ 東南科大 教務長
- ✓ 東南科大 副教授

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Chủ nhiệm, Tổ trưởng tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Phó Giáo sư tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：蔡豐欽

級職　　：副教授

學歷　　：台灣科大機械所博士

研究領域　：熱流量測、熱流分析、電子熱傳

校內分機　：02-86625917 分機 68

研究室　　：信義樓 405-1

Email　　：fctsai@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Thái Phong Khâm

Cấp bậc chức vụ : Phó Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Đo lường dòng chảy nhiệt, Phân tích dòng chảy nhiệt, Truyền nhiệt điện tử.

Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 68

Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 405-1

Email : fctsai@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 南亞塑膠股份有限公司 機械工程師
- ✓ 東南技術學院 機械工程系 教師

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Kỹ sư cơ khí tại Công ty trách nhiệm hữu hạn nhựa Đông Á
- ✓ Giảng viên khoa công trình cơ khí Học viện công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：周永泰

級職　　：助理教授

學歷　　：國立台灣科技大學，機械所，博士

研究領域　：流體力學、空氣動力學、電子熱傳

校內分機　：02-86625917 分機 70

研究室　　：信義 407

Email　　：ytchou@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Chu Vĩnh Thái

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Cơ học chất lỏng, Khí động lực học, Truyền nhiệt điện tử.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 70

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 407

Email　　: ytchou@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

現任東南科大機械工程系助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Đương nhiệm trợ lý giáo sư khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：羅玉山

級職　　：助理教授

學歷　　：國立台灣科技大學，機械所，博士

研究領域　：空氣動力學、電子熱傳、葉片設計

校內分機　：02-86625917 分機 71

研究室　：信義 407

Email　　：yslo@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: La Ngọc Sơn

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ viện cơ khí trường Đại học khoa học kỹ thuật Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Khí động lực học, Truyền nhiệt điện tử, Thiết kế cánh quạt.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 71

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 407

Email　　: yslo@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 工研院航太中心引擎部工程師
- ✓ 東南科大助理教授
- ✓ 經濟部智慧財產局專利審查委員
- ✓ 專利代理人

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Kỹ sư tổ động cơ trung tâm hàng không vũ trụ viện nghiên cứu công nghiệp
- ✓ Trợ lý giáo sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Ủy viên xét duyệt bằng sáng chế Cục sở hữu trí tuệ Bộ kinh tế.
- ✓ Người đại diện bằng sáng chế.

個人檔案

姓名　　：張忠明

級職　　：講師

學歷　　：國立清華大學，應用數學所，碩士

研究領域　：應用數學

校內分機　：02-86625917 分機 67

研究室　　：信義 404 室

Email　　：cmchang@mail.tnit.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trương Trung Minh

Cấp bậc chức vụ : Giảng viên

Trình độ　　: Thạc sỹ viện ứng dụng toán học trường Đại học quốc lập Thanh Hoa

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán học ứng dụng

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 67

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 404

Email　　: cmchang@mail.tnit.edu.tw

個人檔案

姓名　　：賴月梅

級職　　：講師

學歷　　：華梵大學 工業管理研究所 碩士

研究領域　：電腦輔助繪圖 高階電腦輔助繪圖 生產管理 品質管制

校內分機　：02-86625917 分機 29

研究室　　：信義 403-5

Email　　：meian_0226@yahoo.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lai Nguyệt Mai
Cấp bậc chức vụ : Giảng viên
Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu Quản lý công nghiệp trường Đại học Hoa Phạn
Lĩnh vực nghiên cứu: Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính, Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính cấp cao, Quản trị sản xuất, Kiểm soát chất lượng.
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 29
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 403-5
Email　　: meian_0226@yahoo.com.tw

個人經歷

東南科技大學講師

Kinh nghiệm cá nhân

Giảng sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：翁文德

級職　　：副教授

學歷　　：國立中央大學機械工程研究所博士、中正理工學院造船工程研究所碩士、國立台灣海洋學院造船工程學系

研究領域　：逆向工程、自動檢測

校內分機　：02-86625917 分機 45

研究室　　：信義 402 室

Email　　：uengwd@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Ông Văn Đức

Cấp bậc chức vụ : Phó Giáo sư

Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập Trung Ương, Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình đóng tàu Học viện khoa học công nghệ Trung Chính. Khoa kỹ thuật đóng tàu Học viện Hải Dương Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật đảo ngược, Kiểm tra đo lường tự động.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 45

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 402

Email　　: uengwd@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

現任 東南科技大學機械工程系副教授

Kinh nghiệm cá nhân

Đương nhiệm Phó giáo sư khoa công trình cơ khí trường Đại học Công

nghệ Đông Nam

精密機械技術

Kỹ thuật cơ khí tinh vi

個人檔案

姓名　　：吳坤齡

級職　　：教授

學歷　　：國立中央大學機械研究所博士

研究領域　：精密量測、放電加工、微細加工

校內分機　：02-86625917 分機 76, 49

研究室　　：信義 203

Email　　：klwu@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Ngô Khôn Linh

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ nghiên cứu Cơ khí trường đại học quốc lập Trung Ương

Lĩnh vực nghiên cứu: Đo lường chính xác, Gia công phóng điện, Gia công vi mô

Số máy nội bộ　:02-8662591 nhánh 76, 49

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 203

Email　：klwu@mail.tnu.edu.tw

個人經歷【吳坤齡】Kinh nghiệm cá nhân

現任：

東南科技大學機械系主任

機械工程研究所所長

工程與電資學院院長

Chức vụ hiện tại

Trưởng khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Viện trưởng viện nghiên cứu công trình Cơ khí
Viện trưởng học viện nghiên cứu Công trình và Năng lượng điện

經歷：

東南科技大學機械系教授

高工機械科教師

機械廠技術員

Kinh nghiệm:

Giáo sư Khoa Cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam
Giảng viên kỹ thuật Cơ khí trung cấp nghề
Kỹ thuật viên xưởng Cơ khí

個人檔案

姓名　　：陳坤男

級職　　：教授

學歷　　：美國辛辛那提大學機械工程研究所 博士

研究領域　　：最佳化方法、結構振動實驗、有限元素分析

校內分機　　：02-86625917 分機 73

研究室　　：信義樓 403-3

Email　　：knchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Khôn Nam

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Cincinnati Mỹ

Lĩnh vực nghiên cứu: Phương pháp tối ưu, Thí nghiệm chấn động kết cấu, Phân tích nguyên tố hữu hạn

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 73

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín Nghĩa 403-3

Email　　: knchen@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科大 組長、主任
- ✓ 東南科大 教務長
- ✓ 東南科大 副教授

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Chủ nhiệm, Tổ trưởng tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam

- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Phó Giáo sư tại trường Đại học Công nghệ Đông Nam

個人檔案

姓名　　：林寬泓

級職　　：教授

學歷　　：國立台灣科技大學機械工程研究所 材料組博士、國立台灣師範大學工業教育研究所機械組碩士、國立台灣教育學院工業教育學系機械組學士

研究領域　：粉末冶金、陶瓷材料、顯微結構分析

校內分機　：02-86625917 分機 66

研究室　　：信義 403-4

Email　　：khlin@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lâm Khoan Hoằng

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ tổ Vật liệu viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập khoa học kỹ thuật Đài Loan.
Thạc sỹ tổ Cơ khí viện nghiên cứu giáo dục công nghiệp trường Đại học quốc lập Sư phạm Đài Loan.
Cử nhân tổ Cơ khí Khoa giáo dục công nghiệp Học viện quốc lập Giáo dục Đài Loan

Lĩnh vực nghiên cứu: Luyện kim bột, Vật liệu gốm sứ, Phân tích kết cấu hiển vi.

Số máy nội bộ : 02-86625917 nhánh 66
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín Nghĩa 403-4
Email : khlin@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 東南科技大學 機械工程系 教授（2011.02 ~ ）
- ✓ 東南科技大學 教務長（2009.05 ~2011.07 ）
- ✓ 行政院勞工委員會職業訓練局泰山職業訓練中心 雙軌訓練旗艦計畫-工業機械職類試題審查委員
- ✓ 中華民國職業訓練研究發展中心 雙軌訓練旗艦計畫-工業機械職類召集人
- ✓ 德霖技術學院 機械工程系 兼任副教授
- ✓ 東南技術學院 機械工程系主任 兼 機電整合研究所所長（2004.02 ~ 2006.07）
- ✓ 東南科技大學 機械工程系 副教授
- ✓ 經濟部 智慧財產局 兼任專利審查委員
- ✓ 教育部 技職體系機械群一貫課程 研究員
- ✓ 東南技術學院 機械工程系 講師
- ✓ 高工 機工科專任教師
- ✓ 預官 34 期特官 砲兵少尉

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Giáo sư Khoa Công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam (2011.02-)
- ✓ Trưởng phòng Giáo vụ trường Đại học Công nghệ Đông Nam (2009.05 ~2011.07)
- ✓ Ủy viên lao động viện hành chính trung tâm huấn luyện nghề nghiệp Thái Sơn Cục Đào tạo nghề. Ủy viên thẩm tra đánh giá thể đề thi ngành Cơ khí công nghiệp – Kế hoạch huấn luyện song hành Flagship
- ✓ Người triệu tập ngành Cơ khí công nghiệp - Kế hoạch huấn luyện song hành Flagship thuộc Trung tâm nghiên cứu phát triển đào tạo nghề Trung Hoa Dân Quốc.
- ✓ Kiêm nhiệm Phó giáo sư Khoa công trình Cơ khí Học viện kỹ thuật Đức Lâm.
- ✓ Chủ nhiệm khoa công trình Cơ khí kiêm Viện trưởng viện nghiên cứu điện cơ tổng hợp trường đại học khoa học kỹ thuật Đông Nam.
- ✓ Phó giáo sư Khoa công trình Cơ khí trường đại học khoa học kỹ thuật Đông Nam.
- ✓ Kiêm nhiệm Ủy viên kiểm tra bằng sáng chế Cục sở hữu trí tuệ của Bộ Kinh tế
- ✓ Nghiên cứu sinh Khóa học nhất quán hệ thống kỹ thuật nhóm cơ khí của Bộ giáo dục.
- ✓ Giảng viên Khoa công trình Cơ khí Học viện Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Giáo viên Khoa công trình cơ khí trường trung cấp nghề.
- ✓ Thiếu úy pháo binh cán bộ dự bị sỹ quan đặc biệt kỳ 34.

個人檔案

姓名　　：巫維標

級職　　：助理教授

學歷　　：國立交通大學，機械工程研究所，學分班

研究領域　：數控工具機、電腦輔助製造、機械加工

校內分機　：02-86625917 分機 5853

研究室　　：炎黃樓研發處

Email　　：wpwu@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Vu Duy Tiêu

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Lớp học phần Viện nghiên cứu công trình cơ khí trường đại học Giao thông Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Máy công cụ CNC, Chế tạo hỗ trợ máy tính, Gia công cơ khí.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 5853

Phòng nghiên cứu　: Phòng nghiên cứu phát triển tòa nhà Diêm Hoàng

Email　　: wpwu@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

✓ 行政院勞工委員會 技術士技能檢定鉗工職類學術科命題委員

90.5.3～90.12.15

- ✓ 行政院勞工委員會 技術士技能檢定精密機械工職類術科甲乙丙級命題委員 91.5.10～91.12.15
- ✓ 行政院勞工委員會 技能檢定機械加工職類規範制定委員會 94.8.1～94.12.31
- ✓ 教育部 全國高級中等學校 95 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 95.12.5～95.12.8
- ✓ 行政院勞工委員會 第 37 屆全國技能競賽 CNC 銑床職類裁判 96.9.26～96.10.1
- ✓ 教育部 全國高級中等學校 96 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 96.12.4～96.12.7
- ✓ 行政院勞工委員會中部辦公室 委辦技術士技能檢定即測即評學科測試計畫主持人 90 年～98 年
- ✓ 行政院勞工委員會中部辦公室 委辦技術士技能檢定即測即評即發證計畫主持人 97 年～98 年
- ✓ 行政院勞工委員會 第 39 屆全國技能競賽 CNC 銑床職類裁判 98.10.28～98.10.30
- ✓ 教育部 全國高級中等學校 98 學年度工業類科學生技藝競賽命題暨評判委員 98.12.1～98.12.4
- ✓ 東南科技大學 機械工程系 助理教授

Kinh nghiệm cá nhân

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy viên đề xuất Khoa học thuật kiểm định kỹ năng ngành bảo trì sửa chữa của kỹ thuật viên từ 90.5.3～90.12.15.

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy viên đề xuất bằng cấp kỹ thuật A, B, C ngành Công nghiệp cơ khí tinh vi kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ 91.5.10～91.12.15.

Ủy ban lao động Viện hành chính - Ủy ban chế định quy phạm kiểm tra kỹ năng ngành gia công cơ khí từ 94.8.1～94.12.31.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 95 - Ủy viên đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 96.12.4～96.12.7.

Ủy ban lao động Viện hành chính – Đánh giá cuộc thi kỹ năng kỹ thuật máy phay ngành CNC lần thứ 37 từ 96.9.26～96.10.1.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 96 - Ủy viên đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 96.12.4～96.12.7.

Văn phòng miền Trung Ủy ban lao động Viện hành chính – MC điều hành kế hoạch kiểm định và đánh giá cuộc thi lập tức kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ năm 90 – 96.

Văn phòng miền Trung Ủy ban lao động Viện hành chính – MC điều hành kế hoạch kiểm định và đánh giá cuộc thi lập tức kiểm tra kỹ năng của kỹ thuật viên từ năm 97 – 98.

Ủy ban lao động Viện hành chính – Đánh giá cuộc thi kỹ năng kỹ thuật máy phay ngành CNC lần thứ 39 từ 96.9.26～96.10.1.

Bộ giáo dục - trường trung cấp cơ sở toàn quốc niên học 98 - Ủy viên

đề xuất và đánh giá cuộc thi kỹ năng sinh viên ngành kỹ thuật công nghiệp từ 98.12.1～98.12.4

Trợ lý giáo sư Khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：黃仁清

級職　　：教授

學歷　　：國立台灣科技大學院機械研究所 博士

研究領域　：1.奈米模擬 2.原子力顯微鏡之量測與加工應作與微結構翻模 4.CNC 精密加工技術

校內分機　：02-86625834

研究室　：信義 405-2

Email　：jc-huang@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên : Hoàng Nhân Thanh

Cấp bậc chức vụ : Giáo sư

Trình độ : Tiến sỹ viện nghiên cứu Cơ khí trường đại học quốc lập khoa học kỹ thuật Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: 1. Mô phỏng Nano, 2. Ứng dụng gia công và đo lường kính hiển vi lực nguyên tử, 3. Chế tạo kết cấu nano và chuyển đổi

vi kết cấu, 4. Kỹ thuật gia công chính xác CNC

Số máy nội bộ : 02-86625834
Phòng nghiên cứu : Tòa nhà Tín nghĩa 405-2
Email : jc-huang@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

- ✓ 現任東南科技大學研究發展處 研發長
- ✓ 東南科技大學工程學院 院長
- ✓ 東南科技大學微奈米科技研究中心 主任
- ✓ 東南科技大學機械系教授
- ✓ 東南科技大學機械系副教授
- ✓ 東南技術學院機械系講師
- ✓ 東南工專機械系講師

Kinh nghiệm cá nhân

- ✓ Đương nhiệm Trưởng phòng phòng nghiên cứu và phát triển trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Viện trưởng Học viện Công trình trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Chủ nhiệm trung tâm nghiên cứu khoa học kỹ thuật Vi Nano trường Đại học Công nghệ Đông Nam
- ✓ Giáo sư Khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Phó Giáo sư Khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam.
- ✓ Giảng viên Khoa cơ khí Học viện kỹ thuật Đông Nam.
- ✓ Giảng viên Khoa cơ khí trung cấp nghề Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：陳鑫培

級職　　：助理教授

學歷　　：國立台灣大學，化學研究所，博士

研究領域　：普通化學、有機化學、無機化學、觸媒化學、高分子化合物之合成

校內分機　：02-86625917 分機 24

研究室　：信義 405-5

Email　：spchen@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Trần Hâm Bồi

Cấp bậc chức vụ : Trợ lý Giáo sư

Trình độ　　: Tiến sỹ viện nghiên cứu Hóa học trường đại học quốc lập Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Hóa học phổ thông, Hóa học hữu cơ, Hóa học vô cơ, Hóa học xúc tác

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 24

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 405-2

Email　　: spchen@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

東南科技大學機械系助理教授迄今

Kinh nghiệm cá nhân

Trợ lý Giáo sư khoa cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam đến nay.

個人檔案

姓名　　：賴月梅

級職　　：講師

學歷　　：華梵大學 工業管理研究所 碩士

研究領域　：電腦輔助繪圖 高階電腦輔助繪圖 生產管理 品質管制

校內分機　：02-86625917 分機 29

研究室　　：信義 403-5

Email　　：meian_0226@yahoo.com.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Lai Nguyệt Mai
Cấp bậc chức vụ : Giảng viên
Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu Quản lý công nghiệp trường Đại học Hoa Phạn
Lĩnh vực nghiên cứu: Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính, Vẽ biểu đồ với sự phụ trợ máy tính cấp cao, Quản trị sản xuất, Kiểm soát chất lượng.
Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 29
Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 403-5
Email　　: meian_0226@yahoo.com.tw

個人經歷

東南科技大學講師

Kinh nghiệm cá nhân

Giảng sư trường Đại học Công nghệ Đông Nam.

個人檔案

姓名　　：翁文德

級職　　：副教授

學歷　　：國立中央大學機械工程研究所博士、中正理工學院造船工程研究所碩士、國立台灣海洋學院造船工程學系

研究領域　：逆向工程、自動檢測

校內分機　：02-86625917 分機 45

研究室　　：信義 402 室

Email　　：uengwd@mail.tnu.edu.tw

Hồ sơ cá nhân

Họ tên　　: Ông Văn Đức

Cấp bậc chức vụ : Phó Giáo sư

Trình độ　　: Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình cơ khí trường Đại học quốc lập Trung Ương, Thạc sỹ viện nghiên cứu công trình đóng tàu Học viện khoa học công nghệ Trung Chính. Khoa kỹ thuật đóng tàu Học viện Hải Dương Đài Loan.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật đảo ngược, Kiểm tra đo lường tự động.

Số máy nội bộ　: 02-86625917 nhánh 45

Phòng nghiên cứu　: Tòa nhà Tín nghĩa 402

Email　　: uengwd@mail.tnu.edu.tw

個人經歷

現任 東南科技大學機械工程系副教授

Kinh nghiệm cá nhân

Đương nhiệm Phó giáo sư khoa công trình cơ khí trường Đại học Công nghệ Đông Nam